

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	8A1	Võ Huy An	17/12/2003		K	6.50	7A1
2	8A1	Đỗ Việt Anh	16/07/2004		Tb	6.20	7A1
3	8A1	Lê Hoàng Gia Bảo	16/10/2004		Tb	6.20	7A1
4	8A1	Nguyễn Gia Bảo	17/07/2006		Tb	6.20	7A1
5	8A1	A Cường	03/05/2007		Tb	6.40	7A1
6	8A1	Cao Văn Cường	30/11/2006		Tb	5.90	7A1
7	8A1	Nguyễn Thanh Hải	04/11/2002		G	9.10	7A1
8	8A1	Nguyễn Thị Hạnh	26/06/2005		K	7.80	7A1
9	8A1	Lê Khánh Hoàng	10/11/2006		K	8.00	7A1
10	8A1	Trịnh Tuấn Hoàng	15/02/2006		Tb	5.30	7A1
11	8A1	Nguyễn Thị Hợp	15/03/2003	x			
12	8A1	Lâm Tiến Hùng	26/09/2005		G	8.40	7A1
13	8A1	Lê Minh Huy	01/01/2004		K	7.00	7A1
14	8A1	Huỳnh Nhật Huy	01/03/2005		Tb	6.60	7A1
15	8A1	Phạm Thị Mỹ Huyền	03/08/2006	x	K	7.10	7A1
16	8A1	Nguyễn Thê Đăng Khôi	09/03/2006		Tb	6.30	7A1
17	8A1	Phạm Vũ Thành Long	03/08/2006		Tb	6.10	7A1
18	8A1	Trần Hữu Lộc	18-04-2006				
19	8A1	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/02/2004	x	G	8.30	7A1
20	8A1	Trà Thanh Minh	04/07/2005		K	7.00	7A1
21	8A1	Hoàng Thảo Nguyên	26-04-2007	x			
22	8A1	Nguyễn Thị Phúc	26/06/2005	x	K	7.90	7A1
23	8A1	Nguyễn Văn Phúc	25/08/2004		Tb	6.20	7A1
24	8A1	Trần Thị Mai Phượng	09/07/2006	x	K	7.80	7A1
25	8A1	Nguyễn Ngọc Sang	31/01/2004		Tb	7.00	7A1
26	8A1	Lê Trần Nhật Tân	02-01-2003				
27	8A1	A Thịnh	18/05/2006		G	8.10	7A1
28	8A1	Hoàng Đình Thông	29-04-2004				
29	8A1	Trần Đức Nam Thuận	29/03/2007		K	6.90	7A1
30	8A1	Đào Ngọc Anh Thư	10-05-1998	x			
31	8A1	Lê Trần Minh Thư	07/10/2005	x	K	7.50	7A1
32	8A1	Nguyễn Trần Thanh Thư	14-09-2004	x			
33	8A1	Lưu Nguyễn Thanh Trang	30/11/2007	x	K	7.60	7A1
34	8A1	Nguyễn Ngọc Trọng	11/11/2003		K	7.30	7A1
35	8A1	Lê Anh Tuấn	01/07/2001				
36	8A1	Nguyễn Thị Bảo Vi	25/06/2005	x	K	6.50	7A1
37	8A1	Nguyễn Quang Vinh	21-03-2006				
38	8A1	Lâm Bảo Vy	14/01/2007	x	K	7.90	7A1
39	8A1	Nguyễn Thị Như Ý	12/10/1999	x	G	8.60	7A1

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	9A1	Phạm Văn An	17-05-2006		Tb	7.30	8A1
2	9A1	Nguyễn Huỳnh Lan Anh	07-10-2005	x	Tb	5.60	8A1
3	9A1	Nguyễn Lê Thủy Anh	05-07-2005	x	Tb	5.70	8A1
4	9A1	Dương Tuấn Anh	28-03-2004		Tb	6.00	8A1
5	9A1	Nguyễn Thị Ánh	06/04/2004	x			
6	9A1	Đào Duy Bảo	14-05-2005		Tb	5.80	8A1
7	9A1	Nguyễn Văn Dương	23/02/2006				
8	9A1	Mai Văn Đoàn	19-11-2006		Tb	6.20	8A1
9	9A1	Nguyễn Thị Minh Hiền	26/10/2004	x	Tb	6.10	8A1
10	9A1	Đỗ Trung Hiếu	25-09-2006				
11	9A1	Lê Anh Huy	11-03-2004				
12	9A1	Phạm Minh Hy	17-02-2000				
13	9A1	Lê Minh Khải	18-11-2002		K	7.30	8A1
14	9A1	Trần Bảo Khanh	14-08-2004		Tb	6.30	8A1
15	9A1	A Khánh	02-09-2006		K	7.40	8A1
16	9A1	Diệp Hồ Phương Hoài Bảo Linh	27-08-2005	x	K	7.30	8A1
17	9A1	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	06/09/2005	x			
18	9A1	Đỗ Công Mạnh	29/11/2002				
19	9A1	Tô Kim Mẫn	06-02-2000		G	9.50	8A1
20	9A1	Huỳnh Ngô Thanh Ngân	04-08-2004	x			
21	9A1	Vô Phương Nhi	31-03-2005	x			
22	9A1	Nguyễn Thị Nhã Phương	28-03-2006	x	Tb	6.80	8A1
23	9A1	Nguyễn Ngọc THanh Phương	28/02/2006	x			
24	9A1	Nguyễn Thanh Phương	04/11/2002		Tb	5.20	8A1
25	9A1	Trần Anh Quốc	10/10/2004		Tb	6.60	8A1
26	9A1	Nguyễn Khâu Vũ Quốc	20-10-2003		Tb	5.40	8A1
27	9A1	Nguyễn Thị Ngọc Quý	20-02-2006	x			
28	9A1	Trương Thái Sơn	13-08-2005		Tb	5.50	8A1
29	9A1	Kim Byeong Su	25/09/2004		Tb	6.00	8A1
30	9A1	Ngô Tùng Hoàng Tấn	28-05-2005				
31	9A1	Trần Đình Hoàng Thành	29-12-2003	x	Tb	6.40	8A1
32	9A1	Trịnh Quốc Thiện	31-01-2003		Tb	6.60	8A1
33	9A1	Trần Thị Minh Thúy	25-10-2005	x	Tb	5.40	8A1
34	9A1	Huỳnh Thị Hoài Thương	03-05-2004	x			
35	9A1	Nguyễn Hoàng Tín	15-09-2003		G	8.50	8A1
36	9A1	Phan Thị Hạnh Trang	10-03-2004	x			
37	9A1	Trần Ngọc Phương Trang	04-12-2003	x	Tb	6.80	8A1
38	9A1	Phạm Ngọc Bảo Trân	03-07-2006	x			
39	9A1	Nguyễn Đức Trí	11-04-2003				
40	9A1	Nguyễn Dương Cẩm Trinh	02-03-2004	x			
41	9A1	Cao Tấn Trung	13-09-2005		K	7.50	8A1
42	9A1	Nguyễn Thành Trung	01-09-2004		K	7.90	8A1
43	9A1	Nguyễn Văn Trung	13/05/2003		K	6.70	8A1
44	9A1	Đỗ Phạm Tuấn Tú	20-09-2006		Tb	6.70	8A1
45	9A1	Nguyễn Đức Tuấn	04/01/2005		Tb	5.40	8A1
46	9A1	Nguyễn Thị Tường Vi	22-11-2002	x	K	7.70	8A1
47	9A1	Lưu Quang Vinh	31/12/2004		Tb	7.40	8A1
48	9A1	Trần Thị Như Ý	09/05/2005	x	Tb	7.50	8A1

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A1	Trần Mai Anh	21/04/2005	x			
2	10A1	Thân Nguyễn Ngọc Anh	04/05/2005	x			
3	10A1	Nguyễn Mạnh Cường	10/01/2005				
4	10A1	Nghiêm Kiều Dung	28/07/2002	x			
5	10A1	Vô Mỹ Duyên	11/05/2005	x			
6	10A1	Nguyễn Sơn Hà Giang	12/01/2005	x			
7	10A1	Nguyễn Lê Khánh Hà	12/05/2005	x			
8	10A1	Phạm Khải Hân	04/10/2005	x			
9	10A1	Đặng Thành Hiếu	13/11/2003				
10	10A1	Phạm Bích Huyền	02/12/2005	x			
11	10A1	Nguyễn Ngọc Tuấn Khang	21/01/2005				
12	10A1	Quách Gia Linh	26/09/2005	x			
13	10A1	Hoàng Thị Ngọc Linh	27/12/2005	x			
14	10A1	Phạm Thị Ngọc Linh	28/11/2005	x			
15	10A1	Dương Nguyễn Trúc Ly	26/01/2005	x			
16	10A1	Nguyễn Hùng Mạnh	11/10/2005				
17	10A1	Huỳnh Minh Mẫn	30/05/2005				
18	10A1	Nguyễn Thu Ngân	06/02/2005	x			
19	10A1	Lê Thanh Ngọc	27/07/2005	x			
20	10A1	Phan Thị Thảo Nguyên	16/08/2005	x			
21	10A1	Nguyễn Thị Huệ Nhi	02-11-2004	x			
22	10A1	Phạm Lê Uyên Nhi	30/11/2005	x			
23	10A1	Nguyễn Thụy Yến Nhi	15/06/2004	x			
24	10A1	Đỗ Thị Quỳnh Như	19/10/2005	x			
25	10A1	Nguyễn Yến Như	04/01/2005	x			
26	10A1	Lê Hoài Phương	08/03/2005	x			
27	10A1	Võ Thị Như Quỳnh	11/03/2005				
28	10A1	Lê Phương Quỳnh	30/11/2005	x			
29	10A1	Đỗ Hoàng Minh Tâm	16/10/2005	x			
30	10A1	Nguyễn Bá Thành	08/07/2002				
31	10A1	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	05/02/2005	x			
32	10A1	Trương Thị Thanh Thảo	22/08/2005	x			
33	10A1	Đỗ Phi Thắng	11/10/2005				
34	10A1	Bùi Kim Thúy	06/05/2005	x			
35	10A1	Lê Hoàng Minh Thư	11/11/2005	x			
36	10A1	Nguyễn Thị Ngân Tiên	09/11/2005	x			
37	10A1	Trần Thanh Toàn	12/12/2005				
38	10A1	Huỳnh Bảo Trâm	08/04/2005	x			
39	10A1	Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	11/08/2005	x			
40	10A1	Nguyễn Lâm Thúy Triều	30/07/2003	x			
41	10A1	Cao Tiến Trình	27/05/2005				
42	10A1	Nguyễn Ngọc Khả Tú	26/11/2005	x			
43	10A1	Nguyễn Thu Đức Tuấn	14/10/2005				
44	10A1	Cao Thanh Tuấn	01/01/2005				
45	10A1	Chu Văn Việt	20/02/2005				
46	10A1	Tổng Ái Xuân	08/06/2005	x			
47	10A1	Mai Thanh Xuân	02/08/2004	x			
48	10A1	Vô Hà Xuyên	13/08/2005				
49	10A1	Phạm Như Ý	02/10/2005	x			
50	10A1	Nguyễn Thị Thùy Yến	19/09/2005	x			

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A2	Mai Xuân An	27/07/2005	x			
2	10A2	Nguyễn Ngọc Lan Anh	23/04/2005	x			
3	10A2	Trịnh Tuấn Bảo	13/09/2005				
4	10A2	Dương Phúc Hòa Bình	06/09/2005	x			
5	10A2	Nguyễn Hữu Duy	08-01-2005				
6	10A2	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/03/2005	x			
7	10A2	Phan Thị Mỹ Duyên	27/09/2005	x			
8	10A2	Phạm Quốc Đạt	19/03/2004				
9	10A2	Lê Nô En	24/12/2005				
10	10A2	Vì Khả Hân	28/10/2005	x			
11	10A2	Lê Minh Hoàng	08/04/2005				
12	10A2	Bùi Thanh Huy	18/10/2004				
13	10A2	Lê Thị Ngọc Huyền	19/10/2005	x			
14	10A2	Hoàng Hưng	13/07/2005				
15	10A2	Hà Bảo Khôi	29/11/2005				
16	10A2	Nguyễn Đình Kiên	05/04/2005				
17	10A2	Nguyễn Thị Thanh Lam	23/08/2004	x			
18	10A2	Huỳnh Anh Minh	30/07/2005				
19	10A2	Tạ Thị Thủy Ngân	30/06/2005	x			
20	10A2	Tạ Gia Nghi	16/04/2005	x			
21	10A2	Nguyễn Phan Đại Nghĩa	07/02/2005				
22	10A2	Lê Thị Bích Ngọc	25/03/2005	x			
23	10A2	Nguyễn Phi Hồng Ngọc	27/01/2005	x			
24	10A2	Trần Như Ngọc	06/08/2005	x			
25	10A2	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	02/09/2005	x			
26	10A2	Võ Hoàng Nhớ	10/10/2004				
27	10A2	Lê Hồng Phú	15/06/2005				
28	10A2	Nguyễn Tấn Bảo Quân	26/06/2005				
29	10A2	Trần Triệu Quân	01/10/2004				
30	10A2	Trần Quý	14/11/2005				
31	10A2	Dương Tấn Tài	22/04/2005				
32	10A2	Vũ Hữu Thành Tài	24/09/2005				
33	10A2	Trần Nguyễn Hồng Thẩm	19/08/2005	x			
34	10A2	Đào Thị Nhựt Thi	05/01/2005	x			
35	10A2	Nguyễn Phạm Thanh Thúy	17/10/2004	x			
36	10A2	Đồng Đặng Anh Thư	04/05/2005	x			
37	10A2	Nguyễn Đức Tín	14/09/2005				
38	10A2	Trần Võ Minh Trí	17/03/2002				
39	10A2	Đoàn Thái Trình	22/05/2005				
40	10A2	Nguyễn Kim Trọng	01/09/2005				
41	10A2	Vũ Đức Trung	18/08/2005				
42	10A2	Phạm Thị Cẩm Tú	15/04/2005	x			
43	10A2	Lê Nguyễn Ngọc Tú	10/03/2005	x			
44	10A2	Hà Minh Tuấn	01/10/2005				
45	10A2	Hà Nhật Nguyên Vũ	26/04/2005				
46	10A2	Phạm Nguyễn Ngọc Tường Vy	30/09/2005	x			
47	10A2	Hoàng Uyên Vy	31/10/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A3	Hà Hoàng Anh	09/02/2005				
2	10A3	Nguyễn Minh Bảo	08/01/2004				
3	10A3	Trần Tuấn Bảo	13/08/2004				
4	10A3	Nguyễn Quốc Chiến	04/10/2005				
5	10A3	Trần Quốc Cường	07/07/2005				
6	10A3	Cún A Duy	29/02/2004				
7	10A3	Hoàng Văn Đại	23/12/2005				
8	10A3	Phạm Trung Đức	17/11/2005				
9	10A3	Lê Thị Trúc Giang	24-02-2005	x			
10	10A3	Vũ Trường Giang	29/10/2002				
11	10A3	Trần Trung Hậu	19/07/2005				
12	10A3	Lê Minh Hoàng	11-07-2005				
13	10A3	Lê Gia Huy	02/05/2003				
14	10A3	Hoàng Thị Lan	08/01/2005	x			
15	10A3	Vũ Bích Loan	17/03/2005	x			
16	10A3	Nguyễn Thành Lộc	10-11-2003				
17	10A3	Nguyễn Cao Hoàng Minh	30/07/2005				
18	10A3	Ngô Trọng Nghĩa	31/08/2005				
19	10A3	Trần Thái Kim Ngọc	19/12/2005	x			
20	10A3	Nguyễn Thị Minh Nguyên	19/11/1999	x			
21	10A3	Nguyễn Duy Nhật	03/10/2005				
22	10A3	Chu Thị Yến Nhi	16/03/2005	x			
23	10A3	nguyễn Trần Ngọc Phước	31-01-2005				
24	10A3	Huỳnh Đức Quân	05/12/2005				
25	10A3	Nguyễn Bảo Minh Quân	25/11/2005				
26	10A3	Trần Văn Quyển	18/02/2005				
27	10A3	Cao Chí Tài	02/08/2005				
28	10A3	Nguyễn Thái Thịnh	17-04-2005				
29	10A3	Nguyễn Cảnh Thuận	10/07/2005				
30	10A3	Trần Gia Thuận	28/11/2004				
31	10A3	Trần Trung Thuật	01/09/2005				
32	10A3	Trương Vũ Minh Thư	27/07/2005	x			
33	10A3	Ngô Thành Tiến	13/12/2005				
34	10A3	Trần Tiến	29/08/2005				
35	10A3	Nguyễn Trung Tính	29/10/2005				
36	10A3	Hồ Ngọc Trí	02/07/2005				
37	10A3	Trần Nhật Trường	05/12/2005				
38	10A3	Vũ Xuân Trường	28/04/2005				
39	10A3	Nguyễn Thanh Tùng	14/08/2004				
40	10A3	Mai Ngọc Tường Vy	16/08/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A4	Phạm Lê Minh Châu	19/03/2005	x			
2	10A4	Lê Văn Công	10/06/2004				
3	10A4	Âu Chi Cường	18/01/2005				
4	10A4	Son Hoàng Duy	16/04/2005				
5	10A4	Nguyễn Sơn Hải	12/11/2005				
6	10A4	Nguyễn Thanh Kim Hằng	18/09/2003	x			
7	10A4	Nguyễn Thanh Hiên	13/11/2005	x			
8	10A4	Nguyễn Huỳnh Quốc Huy	15/11/2005				
9	10A4	Huỳnh Ngọc Minh Khoa	08/03/2005				
10	10A4	Vũ Bảo Linh	26/09/2005	x			
11	10A4	Nguyễn Ngọc Linh	16/09/2005				
12	10A4	Trương Khánh Long	02/09/2005				
13	10A4	Nguyễn Văn Lưu	11/11/2004				
14	10A4	Đoàn Huỳnh Thảo Ly	01/01/2005	x			
15	10A4	Ôn Phan Thanh Minh	02/07/2003				
16	10A4	Nguyễn Thị Thanh Ngân	19/01/2005	x			
17	10A4	Hồ Bảo Ngọc	27/03/2005	x			
18	10A4	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	22/12/2005	x			
19	10A4	Huỳnh Thanh Nhật	01/11/2005				
20	10A4	Quách Hà Nhi	22/08/2005	x			
21	10A4	Nguyễn Yến Nhi	19/10/2005	x			
22	10A4	Đỗ Hoàng Như	09/11/2004	x			
23	10A4	Nguyễn Quỳnh Như	10/06/2005	x			
24	10A4	Trần Cao Phát	21/12/2005				
25	10A4	Trần Thanh Tấn Phước	17/03/2005				
26	10A4	Nguyễn Anh Quốc	26/04/2003				
27	10A4	Nguyễn Thị Như Quỳnh	21/11/2005	x			
28	10A4	Mai Lê Hữu Tài	26/12/2005				
29	10A4	Nguyễn Văn Thiện	28/07/2003				
30	10A4	Nguyễn Phùng Thanh Thúy	22/03/2003	x			
31	10A4	Phùng Hạ Minh Thư	30/08/2005	x			
32	10A4	Trần Thị Minh Thư	10/08/2005	x			
33	10A4	Lâm Minh Tính	15/04/2005				
34	10A4	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	09/05/2005	x			
35	10A4	Nguyễn Thị Mộng Trúc	19/11/2004	x			
36	10A4	Phan Thanh Trúc	27/05/2005	x			
37	10A4	Nguyễn Thị Thanh Trúc	14/06/2005	x			
38	10A4	Trương Công Trường	23/01/2004				
39	10A4	Cam Kim Tuyển	26/01/2002	x			
40	10A4	Dương Nguyễn Thị Uyên	29/02/2004	x			
41	10A4	Bùi Ngọc Khánh Vân	03/05/2003	x			
42	10A4	Thái Trần Khánh Vy	23/11/2005	x			
43	10A4	Nguyễn Ngọc Xuân Vy	20/09/2005	x			
44	10A4	Hữu Thị Yến Vy	01/09/2005	x			
45	10A4	Huỳnh Ngọc Như	19/08/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A5	Phạm Trọng Hoài An	06/07/2004				
2	10A5	Nguyễn Văn Chí Bảo	01/04/2005				
3	10A5	Dương Hà Gia Bảo	03/10/2005				
4	10A5	Trần Thái Gia Bảo	15/02/2005				
5	10A5	Trương Gia Bảo	20/11/2005				
6	10A5	Bùi Văn Diệp	20/02/1996				
7	10A5	Võ Hồ Minh Đại	25/05/2005				
8	10A5	Hoàng Tiến Đạt	10/01/2004				
9	10A5	Trần Nguyễn Thiên Đức	24/03/2005				
10	10A5	Trần Thị Cẩm Giang	01/11/2005	x			
11	10A5	Hồ Thị Hoàng Hào	17/11/2005	x			
12	10A5	Lê Kim Hiền	16/04/2005	x			
13	10A5	Trần Thị Thu Hiền	02/02/2005	x			
14	10A5	Nguyễn Sỹ Hoàng	24/12/2004				
15	10A5	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	21/04/2005	x			
16	10A5	Nguyễn Văn Hưng	02/03/2004				
17	10A5	Nguyễn Thị Thanh Lang	30/07/2005	x			
18	10A5	Trần Thanh Lâm	14/04/2005	x			
19	10A5	Võ Tiến Lên	15/11/2004				
20	10A5	Bùi Ngọc Mai	10/10/2005	x			
21	10A5	Huỳnh Thanh Minh	20/05/2005				
22	10A5	Phạm Thị Thúy Ngân	24/03/2005	x			
23	10A5	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	30/05/2005	x			
24	10A5	Huỳnh Võ Chí Nhân	08/03/2005				
25	10A5	Đinh Quang Nhật	15/03/2005				
26	10A5	Lê Uyên Nhi	21/11/2005	x			
27	10A5	Dương Thị Mỹ Nhung	26/08/2005	x			
28	10A5	Trần Thanh Phong	21/12/2002				
29	10A5	Nguyễn Hữu Phước	13/11/2005				
30	10A5	Lại Đăng Quang	03/06/2005				
31	10A5	Nguyễn Anh Quốc	13/02/2005				
32	10A5	Trần Ngọc Sang	14/06/2005	x			
33	10A5	Phạm Hồng Sơn	15/01/2004				
34	10A5	Trần Thị Minh Tâm	24/11/2005	x			
35	10A5	Phan Duy Tân	18/05/2005				
36	10A5	Nguyễn Trọng Thanh Tân	07/03/2004				
37	10A5	Nguyễn Phi Thái	28/12/2005				
38	10A5	Lê Hoàng Thành	14/04/2005				
39	10A5	Trần Đăng Tiệp	11/02/2004				
40	10A5	Trần Huyền Trang	18/08/2005	x			
41	10A5	Huỳnh Ngọc Quế Trâm	22/11/2005	x			
42	10A5	Võ Trần Thanh Trung	29/09/2005				
43	10A5	Hoàng Xuân Trường	09/11/2005				
44	10A5	Trần Ngọc Tuyền	16/11/2005	x			
45	10A5	Nguyễn Thị Tường Vi	15/04/2005	x			
46	10A5	Vũ Thúy Minh Xuân	21/01/2004	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A6	Phạm Đức Minh	22/01/2005				
2	10A6	Võ Thành Đạt	06/08/2005				
3	10A6	Lê Minh Điền	14/07/2005				
4	10A6	Trần Lê Thiên Hào	17/11/2005				
5	10A6	Lê Thị Hồng Hoa	14/10/2005	x			
6	10A6	Lê Huy Hoàng	15/10/2005				
7	10A6	Vũ Ngọc Thái Hoàng	02/06/2005				
8	10A6	Nguyễn Hưng	23/10/2005				
9	10A6	Nguyễn Tuấn Hưng	24/12/2001				
10	10A6	Nguyễn Thị Thanh Lan	02/08/2005	x			
11	10A6	Trịnh Phạm Chí Linh	30/10/2005				
12	10A6	Nguyễn Ngô Mỹ Linh	27/08/2005	x			
13	10A6	Trần Thị Kim Loan	24/06/2005	x			
14	10A6	Dương Nhật Long	04/09/2004				
15	10A6	Trần Dương Thanh Ngân	30/07/2005	x			
16	10A6	Đỗ Thị Minh Nhã	20/11/2005	x			
17	10A6	Nguyễn Thanh Nhã	20/10/2005	x			
18	10A6	Lê Hoàng Thảo Nhi	29/03/2005	x			
19	10A6	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	17/10/2004	x			
20	10A6	Huỳnh Thị Hồng Nhung	28/03/2005	x			
21	10A6	Nguyễn Triệu Phú	29/06/2005				
22	10A6	Phạm Ngọc Phương	08/11/2003				
23	10A6	Đào Minh Sáng	20/05/2005				
24	10A6	Lưu Phạm Thị Thanh Tâm	30/01/2005	x			
25	10A6	Trần Vương Lan Thanh	14/03/2005	x			
26	10A6	Nguyễn Võ Thanh Thanh	24/11/2005	x			
27	10A6	Đinh Thiên	09/06/2003				
28	10A6	Mai Nguyễn Kim Thư	03/03/2005	x			
29	10A6	Nguyễn Mỹ Tiên	25/10/2005	x			
30	10A6	Võ Thị Trang	13/02/2004	x			
31	10A6	Nguyễn Thị Thùy Trang	30/10/2004	x			
32	10A6	Phạm Mai Quỳnh Trâm	07/07/2005	x			
33	10A6	Nguyễn Thị Mai Trinh	02/11/1991	x			
34	10A6	Nguyễn Hữu Trọng	28/01/2005				
35	10A6	Lê Đăng Trường	26/09/2004				
36	10A6	Bùi Thanh Tuyền	20/07/2005	x			
37	10A6	Nguyễn Thị Tường Vân	30/11/2005	x			
38	10A6	Nguyễn Lê Tường Vi	05/06/2004	x			
39	10A6	Lê Quốc Việt	22/04/2004				
40	10A6	Nguyễn Hoàng Vũ	24/03/2004				
41	10A6	Nguyễn Chí Minh Vỹ	27/02/2005				
42	10A6	Ngô Trường Xuân	26/09/2005				
43	10A6	Phạm Như Ý	12/08/2005	x			
44	10A6	Phạm Thị Yến	27/01/2005	x			
45	10A6	Trần Phan Minh Thuận	17/05/2003				
46	10A6	Tăng Minh Trí	31/05/2004				

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A7	Lê Ngọc Minh Anh	06/09/2005				
2	10A7	Cao Hoàng Gia Bảo	30/06/2005				
3	10A7	Trần Gia Bảo	08/05/2004				
4	10A7	Phạm Hoài Bảo	02/12/2005				
5	10A7	Võ Tấn Đạt	30/03/2005				
6	10A7	Trần Vũ Khánh Đăng	22/01/2005				
7	10A7	Võ Thành Phương Đông	28/10/2003				
8	10A7	Nguyễn Thủy Hằng	05/09/2005	x			
9	10A7	Võ Thị Thu Hân	23/03/2005	x			
10	10A7	Nguyễn Hùng Hậu	26/05/2005				
11	10A7	Mai Thị Linh Hiền	20/12/2005	x			
12	10A7	Lâm Đặng Anh Hùng	17/11/2005				
13	10A7	Võ Quang Huy	24/03/2005				
14	10A7	Bùi Thị Thanh Hương	07/03/2005	x			
15	10A7	Phạm Quốc Khanh	27/05/2005				
16	10A7	Lê Thị Mỹ Kim	27/12/2004	x			
17	10A7	Trịnh Gia Mỹ Kỳ	31/08/2005	x			
18	10A7	Trần Thị Mỹ Linh	14/10/2004	x			
19	10A7	Đào Nguyễn Phương Linh	25/12/2005	x			
20	10A7	Nguyễn Thị Bích Loan	09/07/2005	x			
21	10A7	Phạm Văn Phúc Lộc	30/07/2002				
22	10A7	Phạm Lê Hà My	09/08/2005	x			
23	10A7	Trần Việt Nam	09/09/2005				
24	10A7	Quảng Thiện Nghĩa	06/10/2005				
25	10A7	Phan Thị Huyền Nhi	06/02/2005	x			
26	10A7	Nguyễn Hoàng Linh Nhi	06/02/2005	x			
27	10A7	Nguyễn Nhật Yến Nhi	06/10/2005	x			
28	10A7	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	01/01/2004	x			
29	10A7	Phạm Hưng Phát	20/11/2000				
30	10A7	Phan Trường Phát	28/03/2005				
31	10A7	Nghiêm Đức Phú	19/11/2005				
32	10A7	Mai Nguyễn Đình Phúc	09/10/2005				
33	10A7	Huỳnh Thị Phụng	11/03/2005	x			
34	10A7	Đỗ Hữu Phước	08/07/2005				
35	10A7	Trần Thị Yến Phương	21/09/2005	x			
36	10A7	Lê Hữu Quốc	21/05/1987				
37	10A7	Nguyễn Yến Ngọc Quyên	06/07/2004	x			
38	10A7	Trần Vũ Quốc Thanh	22/09/2005				
39	10A7	Nguyễn Thị Thu	21/02/2005	x			
40	10A7	Nguyễn Anh Thư	17/07/2005	x			
41	10A7	Hồ Thị Thủy Tiên	24/03/2005	x			
42	10A7	Lưu Quốc Toàn	13/05/2005				
43	10A7	Phạm Ngọc Thanh Trúc	08/08/2005	x			
44	10A7	Quách Đình Trung	22/09/2005				
45	10A7	Trần Minh Tuấn	05/01/2004				
46	10A7	Trịnh Thị Tuyết	10/02/2005	x			
47	10A7	Nguyễn Anh Vũ	14/02/2005				

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A8	Nguyễn Thùy An	28/04/2005	x			
2	10A8	Lê Đức Anh	06/01/2005				
3	10A8	Nguyễn Duy Su Bun	22/10/2005				
4	10A8	Trần Lan Chi	15/05/2005	x			
5	10A8	Trần Thị Thùy Dung	19/05/2005	x			
6	10A8	Hoàng Nguyễn Khánh Duy	10/10/2005				
7	10A8	Nguyễn Tiến Đạt	15/06/2005				
8	10A8	Phạm Xuân Đông Hải	08/03/1997				
9	10A8	Nguyễn Anh Hào	30/09/2004				
10	10A8	Văng Minh Hiếu	30/09/2004				
11	10A8	Lê Đức Hùng	08/05/2004				
12	10A8	Nguyễn Văn Hùng	13/09/2004				
13	10A8	Đinh Thị Ngọc Huyền	08/08/2000	x			
14	10A8	Lương Hoàng Khang	02/11/2005				
15	10A8	Trương Hoàng Khang	18/09/2005				
16	10A8	Nguyễn Anh Kiệt	07/04/2005				
17	10A8	Nguyễn Thị Thúy Kiều	02/11/2005	x			
18	10A8	Lương Thị Ngọc Linh	27/09/2005	x			
19	10A8	Mai Thị Thùy Linh	14/07/2005	x			
20	10A8	Nguyễn Hoàng Long	04/07/2004				
21	10A8	Phạm Hữu Lực	04/10/2005				
22	10A8	Phạm Nguyễn Tường Mỹ	07/11/2005	x			
23	10A8	Trần Thị Ngọc Ngoan	17/06/2005	x			
24	10A8	Nguyễn Phan Thiên Nhi	17/09/2005	x			
25	10A8	Phan Nguyễn Tuyết Nhi	27/02/2005	x			
26	10A8	Nguyễn Tấn Phát	17/09/2003				
27	10A8	Trần Nguyễn Bá Phong	12/03/2005				
28	10A8	Phạm Tân Phúc	25/09/2004				
29	10A8	Nguyễn Trọng Phúc	27/05/2004				
30	10A8	Vy Hồng Thái	06/05/2005				
31	10A8	Nguyễn Thị Như Thảo	18/12/2005	x			
32	10A8	Tô Quốc Thắng	19/02/2005				
33	10A8	Nguyễn Thanh Thuận	17/02/2005				
34	10A8	Võ Ngọc Thùy	25/02/2005	x			
35	10A8	Lý Anh Thư	30/09/2003	x			
36	10A8	Phạm Ngọc Anh Thư	03/11/2005	x			
37	10A8	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/04/2005	x			
38	10A8	Nguyễn Đức Tú	08/03/2004				
39	10A8	Nguyễn Minh Trí	24/09/2005				
40	10A8	Phạm Minh Triết	27/10/2005				
41	10A8	Nguyễn Thị Ngọc Tú	01/09/2005				
42	10A8	Lê Hiền Vĩ	04/10/2005				
43	10A8	Võ Hoàng Vĩ	31/12/2005				
44	10A8	Trần Ngọc Thùy Vy	12/05/2004	x			
45	10A8	Trần Thị Như Ý	13/07/2005	x			
46	10A8	Nguyễn Thị Hiền	13/02/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A9	Vương Kỳ An	05/11/2005				
2	10A9	Phạm Hải Anh	14/02/2005				
3	10A9	Đoàn Kỳ Anh	19/02/2004				
4	10A9	Phạm Dương Quỳnh Anh	15/11/2005	x			
5	10A9	Nguyễn Hữu Bằng	11/02/2005				
6	10A9	Nguyễn Ngọc Kim Châu	13/08/2005	x			
7	10A9	Trần Mạnh Cường	09/04/2005				
8	10A9	Huỳnh Hiệp Hải	12/03/2005				
9	10A9	Nguyễn Thị Hằng	19/01/2005	x			
10	10A9	Huỳnh Mỹ Hân	30/09/2004	x			
11	10A9	Phạm Hoàng Gia Huy	04/07/2005				
12	10A9	Nguyễn Thái Huy	25/10/2004				
13	10A9	Trần Thị Mỹ Huyền	05/01/2005	x			
14	10A9	Lê Huy Khang	11/10/2005				
15	10A9	Đào Việt Khang	18/02/2003				
16	10A9	Nguyễn Mai Thanh Liêm	12/02/2005	x			
17	10A9	Nguyễn Trung Luân	04/12/2005				
18	10A9	Phan Hoàng Trúc Ly	26/04/2005	x			
19	10A9	Huỳnh Trường Mẫn	01/05/2005				
20	10A9	Nguyễn Nhật Minh	12/12/2005				
21	10A9	Phùng Quang Nam	28/03/2005				
22	10A9	Ngô Ngọc Kim Ngân	09/01/2002	x			
23	10A9	Nguyễn Văn Nghĩa	17/07/2004				
24	10A9	Nguyễn Trương Hồng Ngọc	27/09/2005	x			
25	10A9	Nguyễn Lê Ý Nhi	22/08/2005	x			
26	10A9	Huỳnh Thị Yến Nhi	15/03/2005	x			
27	10A9	Trần Thị Yến Nhi	20/02/2005	x			
28	10A9	Trần Yến Nhi	11/06/2005	x			
29	10A9	Lâm Huỳnh Như	24/09/2005	x			
30	10A9	Nguyễn Tuấn Phong	17/05/2004				
31	10A9	Phạm Minh Quân	11/11/2005				
32	10A9	Trần Minh Quân	17/02/2005				
33	10A9	Nguyễn Văn Quân	04/02/2005				
34	10A9	Đặng Xuân Sang	21/10/2005				
35	10A9	Dương Tấn Tài	25/05/2005				
36	10A9	Huỳnh Thanh Thanh	04/12/2003	x			
37	10A9	Nguyễn Phương Thảo	31/01/2005	x			
38	10A9	Hoàng Đức Thắng	11/01/2005				
39	10A9	Trương Hoàng Thiên	23/06/2005				
40	10A9	Nguyễn Ngọc Minh Thùy	27/07/2005	x			
41	10A9	Phạm Ngọc Thanh Thư	29/04/2005	x			
42	10A9	Nguyễn Ngọc Mỹ Trân	04/04/2005	x			
43	10A9	Nguyễn Thanh Vân	08/12/2005	x			
44	10A9	Nguyễn Hoài Vũ	21/10/2005				
45	10A9	Nguyễn Thùy Như Ý	24/03/2005	x			
46	10A9	Lâm Nguyên Vũ	27/03/2005				

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A10	Trần Huỳnh Bảo Anh	11/07/2005	x			
2	10A10	Nguyễn Hà Hải Anh	06/06/2004				
3	10A10	Nguyễn Ngọc Minh Anh	30/04/2005	x			
4	10A10	Lê Hoàng Nhật Hào	07/01/2003				
5	10A10	Đỗ Thái Bảo	09/12/2005				
6	10A10	Trần Thành Công	03/08/2005				
7	10A10	Trần Thị Phương Doanh	18/05/2005	x			
8	10A10	Đỗ Tiến Dũng	02/12/2005				
9	10A10	Phạm Lê Trí Dũng	23/07/2005				
10	10A10	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	17/11/2005	x			
11	10A10	Phạm Nguyễn Phát Đạt	30/12/2005				
12	10A10	Nguyễn Anh Hào	25/10/2005				
13	10A10	Đặng Gia Hân	15/03/2005	x			
14	10A10	Lê Ngọc Gia Hân	25/05/2005	x			
15	10A10	Lê Nguyễn Thanh Hòa	10/03/2005				
16	10A10	Nguyễn Khánh Hoàng	21/08/2005				
17	10A10	Võ Nguyễn Đăng Khoa	07/12/2005				
18	10A10	Trần Hồ Kỳ Lam	18/10/2005	x			
19	10A10	Nguyễn Hoàng Yến Linh	01/04/2005	x			
20	10A10	Phạm Thành Long	21/05/2005				
21	10A10	Đào Đức Mạnh	04/12/2005				
22	10A10	Lê Thị Mỹ Na	16/08/2005	x			
23	10A10	Nguyễn Danh Hà Ngân	09/08/2005	x			
24	10A10	Vương Thị Kim Ngân	08/04/2005	x			
25	10A10	Ngô Thị Thanh Ngân	07/11/2005	x			
26	10A10	Vũ Trọng Hiếu Nghĩa	25/02/2005				
27	10A10	Nguyễn Thị Quỳnh Như	24/06/2005	x			
28	10A10	Lê Trường Minh Phúc	27/07/2005				
29	10A10	Nguyễn Thị Như Phụng	08/03/2004	x			
30	10A10	Nguyễn Hồ Ái Quỳnh	02/08/2004	x			
31	10A10	Trịnh Minh Tâm	10/02/2005	x			
32	10A10	Phạm Thanh Thảo	29/10/2005	x			
33	10A10	Vũ Gia Thịnh	16/12/2004				
34	10A10	Nguyễn Thị Thu Thùy	02/02/2005	x			
35	10A10	Nguyễn Thị Thu Thúy	02/02/2005	x			
36	10A10	Đặng Thị Minh Thư	21/09/2005	x			
37	10A10	Nguyễn Thụy Kim Tiên	18/07/2005	x			
38	10A10	Nguyễn Duy Tiến	28/07/2005				
39	10A10	Huỳnh Phương Trâm	23/01/2005	x			
40	10A10	Huỳnh Phương Trúc	19/02/2005	x			
41	10A10	Nguyễn Thành Trung	19/03/2005				
42	10A10	Tạ Minh Uyên	22/08/2005	x			
43	10A10	Đỗ Ánh Vy	17/04/2005	x			
44	10A10	Phùng Tiến Sang	03/11/2003				
45	10A10	Nguyễn Thị Minh Huyền	30/09/2003	x			
46	10A10	Hồ Tuyết Nhi	30/05/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A11	Nguyễn Thị Ngọc An	13/09/2005	x			
2	10A11	Nguyễn Trần Hoàng Ân	30/06/2005				
3	10A11	Hồ Phạm Gia Bảo	20/03/2005				
4	10A11	Nguyễn Thị Trúc Bằng	02/01/2005				
5	10A11	Nguyễn Hoàng Anh Duy	09/04/2005				
6	10A11	Sử Mỹ Duyên	25/11/2005	x			
7	10A11	Nguyễn Thành Đạt	23/02/2004				
8	10A11	Vũ Trường Giang	19/12/2004				
9	10A11	Nguyễn Phụng Hiếu	14/01/2005				
10	10A11	Đinh Ngọc Hoàng	16/07/2001				
11	10A11	Trần Tứ Hoàng	17/02/2005				
12	10A11	Tô Thị Mỹ Huyền	09/07/2005	x			
13	10A11	Huỳnh Hữu Khang	24/02/2005				
14	10A11	Nguyễn Phúc Khang	22/11/2004				
15	10A11	Nguyễn Tuấn Khôi	23/05/2003				
16	10A11	Vô Hồng Kim	31/05/2005	x			
17	10A11	Huỳnh Thị Mỹ Linh	26/01/2005	x			
18	10A11	Bùi Ngọc Linh	29/06/2005	x			
19	10A11	Lê Nguyễn Yến Linh	28/01/2005	x			
20	10A11	Nguyễn Tuấn Long	22/09/2005				
21	10A11	Nguyễn An Hoàng Luyến	25/10/2005	x			
22	10A11	Vũ Thị Lương	15/08/2005	x			
23	10A11	Huỳnh Phương Ly	05/09/2005	x			
24	10A11	Nguyễn Trần Yến My	18/08/2005	x			
25	10A11	Nguyễn Hoàng Phương Nga	22/10/2005	x			
26	10A11	Trần Kim Ngân	31/10/2005	x			
27	10A11	Võ Thị Thu Ngân	11/06/2005	x			
28	10A11	Ngô Đình Bảo Nghi	22/09/2005	x			
29	10A11	Trần Nguyễn Phương Nhã	11/02/2005	x			
30	10A11	Tạ Thị Thanh Nhân	11/10/2005	x			
31	10A11	Lê Hoàng Mỹ Nhân	30/10/2005	x			
32	10A11	Nguyễn Tổ Nhi	23/09/2005	x			
33	10A11	Đinh Gia Phát	11/02/2005				
34	10A11	Trần Đại Phú	13/10/2005				
35	10A11	Nguyễn Gia Bảo Phương	29/09/2005				
36	10A11	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10/06/2005	x			
37	10A11	Lê Thị Thu Quỳnh	12/05/2005	x			
38	10A11	Nguyễn Hoàng Sang	28/09/2005				
39	10A11	Bùi Hoàng Tập	17/11/2005				
40	10A11	Lai Quyết Thắng	31/08/2005				
41	10A11	Nguyễn Thị Anh Thư	02/09/2005	x			
42	10A11	Dương Hồ Thanh Tuyền	16/04/2005	x			
43	10A11	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	11/04/2004	x			
44	10A11	Nguyễn Hoàng Việt	02/07/2005				
45	10A11	Huỳnh Lê Phương Uyên	26/12/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A12	Huỳnh Ngọc Bảo Anh	11/07/2005	x			
2	10A12	Nguyễn Ngọc Anh	01/05/2005	x			
3	10A12	Hồ Phước Cường	24/11/2005				
4	10A12	Trần Minh Duy	22/07/2005				
5	10A12	Nguyễn Hồng Hải Đăng	26/01/2004				
6	10A12	Lê Cẩm Hùng	23/10/2005				
7	10A12	Nguyễn Anh Huy	03/06/2005				
8	10A12	Lê Ngọc Huy	03/01/2005				
9	10A12	Nguyễn Quỳnh Hương	18/04/2005	x			
10	10A12	Lê Đăng Khoa	09/02/2005				
11	10A12	Lý Văn Kiệt	11/02/2005				
12	10A12	Tổng Khánh Loan	04/06/2004	x			
13	10A12	Bùi Phi Long	13/09/2005				
14	10A12	Phạm Hồ Thanh My	14/09/2005	x			
15	10A12	Nguyễn Vũ Trà My	31/10/2005	x			
16	10A12	Phan Văn Nam	08/08/2005	x			
17	10A12	Trịnh Gia Nghi	18/01/2005	x			
18	10A12	Bùi Minh Nghĩa	28/03/2005				
19	10A12	Nguyễn Nhật Bảo Nhi	04/03/2005	x			
20	10A12	Huỳnh Ngọc Tuyết Nhi	24/11/2005	x			
21	10A12	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	01/02/2005	x			
22	10A12	Phạm Thụy Uyên Nhi	30/05/2005	x			
23	10A12	Võ Hồng Yến Nhi	20/10/2005	x			
24	10A12	Nguyễn Thị Kiều Oanh	20/03/2005	x			
25	10A12	Nguyễn Đình Phát	15/01/2005				
26	10A12	Bùi Minh Phát	09/02/2005				
27	10A12	Lê Hữu Phúc	30/08/2005				
28	10A12	Trương Minh Sinh	10/03/2005				
29	10A12	Trương Minh Song	10/03/2005				
30	10A12	Võ Phan Anh Tài	24/07/2004				
31	10A12	Huỳnh Duy Anh Thư	22/07/2005	x			
32	10A12	Nguyễn Thanh Thủy Tiên	26/01/2005	x			
33	10A12	Nguyễn Công Toàn	22/03/2005				
34	10A12	Đinh Thị Quỳnh Trang	01/03/2005	x			
35	10A12	Đỗ Thị Thùy Trang	28/04/2005	x			
36	10A12	Phạm Thị Tú Trinh	29/07/2004	x			
37	10A12	Nguyễn Thị Thanh Trúc	29/03/2004	x			
38	10A12	Phan Hoàng Tuấn	12/09/2005				
39	10A12	Nguyễn Quang Tuấn	03/11/2005				
40	10A12	Văn Thị Thảo Vi	03/07/2005	x			
41	10A12	Trần Thị Kiều Vy	07/01/2005	x			
42	10A12	Đàm Triệu Vy	01/02/2005	x			
43	10A12	Võ Hoàng Triệu Vy	06/05/2005	x			
44	10A12	Phan Ngọc Như Ý	31/01/2005	x			
45	10A12	Đặng Nhật Yến	25/11/2005	x			
46	10A12	Nguyễn Trần Bảo Trân	17/02/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A13	Lê Gia Bảo	14/06/2005				
2	10A13	Phan Thanh Ngọc Duyên	26/04/2005	x			
3	10A13	Bùi Thị Hồng Hạnh	04/04/2005	x			
4	10A13	Lê Thị Ngọc Hằng	07/09/2005	x			
5	10A13	Trịnh Ngọc Hân	14/06/2004	x			
6	10A13	Võ Thị Tuyết Hân	11/06/2005	x			
7	10A13	Nguyễn Văn Hậu	09/02/2002				
8	10A13	Phạm Thị Diệu Hiền	02/11/2004	x			
9	10A13	Võ Ngọc Hiếu	08/07/2005	x			
10	10A13	Nguyễn Khắc Hoàng	31/12/2005				
11	10A13	Phan Tấn Hưng	17/10/2005				
12	10A13	Bùi Trần Trọng Kha	01/05/2005				
13	10A13	Trương Trần Kim Khánh	04/08/2003	x			
14	10A13	Lê Minh Khoa	23/11/2005				
15	10A13	Lưu Hữu Lâm	19/11/2005				
16	10A13	Bùi Khánh Linh	14/06/2005	x			
17	10A13	Phạm Hoàng Ngọc Linh	06/02/2005	x			
18	10A13	Đỗ Ngọc Thùy Linh	23/05/2005	x			
19	10A13	Quách Sỹ Luân	05/05/2005				
20	10A13	Nguyễn Thị Hoàng Mai	07/06/2005	x			
21	10A13	Lê Loan Minh	09/10/2003	x			
22	10A13	Đặng Gia Nghi	27/02/2005	x			
23	10A13	Bùi Trọng Nghĩa	20/01/2005				
24	10A13	Nguyễn Xuân Nhân	20/05/2005				
25	10A13	Đỗ Thị Yến Nhi	10/09/2005	x			
26	10A13	Trần Yến Nhi	19/03/2005	x			
27	10A13	Nguyễn Thị Ánh Nhung	22/11/2005	x			
28	10A13	Nguyễn Thị Ngọc Như	22/09/2004	x			
29	10A13	Lê Đặng Xuân Như	26/04/2005	x			
30	10A13	Huỳnh Tấn Phát	26/09/2005				
31	10A13	Trần Trọng Phát	03/01/2005				
32	10A13	Nguyễn Hoàng Sơn	19/08/2005				
33	10A13	Lê Thi Ý Sương	11/06/2005	x			
34	10A13	Nguyễn Hoàng Tân	24/09/2005				
35	10A13	Lâm Mã Thanh Mỹ Thảo	01/03/2005				
36	10A13	Nguyễn Thanh Thảo	21/02/2005	x			
37	10A13	Nguyễn Thị Anh Thư	16/07/2005	x			
38	10A13	Huỳnh Nguyễn Ngọc Trinh	22/05/2005	x			
39	10A13	Nguyễn Thị Thanh Trúc	07/02/2003	x			
40	10A13	Phạm Thanh Tuấn	10/04/2004				
41	10A13	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	07/09/2005	x			
42	10A13	Thạch Kim Tuyền	28/09/2005	x			
43	10A13	Phan Thị Ánh Tuyết	28/01/2005	x			
44	10A13	Đinh Thị Phương Thảo	20/06/2005	x			
45	10A13	Nguyễn Quốc Chí Hiếu	07/05/2005				
46	10A13	Nguyễn Thị Thanh Mai	20/10/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A14	Cao Tuấn Anh	30-11-2005				
2	10A14	Nguyễn Thị Bích Chi	02-11-2004	x			
3	10A14	Bùi Tiến Dũng	06/11/2005				
4	10A14	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	31-12-2005	x			
5	10A14	Nguyễn Quang Dương	23-01-2005				
6	10A14	Mai Quang Hiền Đạt	20-10-1996				
7	10A14	Dương Minh Đức	06/03/2004				
8	10A14	Lê Chí Hải	16/04/2005				
9	10A14	Nguyễn Hoàng Hải	14/01/2005				
10	10A14	Nguyễn Ngọc Ngân Hậu	10-09-2005				
11	10A14	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	20-03-2005	x			
12	10A14	Nguyễn Phạm Anh Hùng	29-01-2004				
13	10A14	Trần Gia Linh	23-06-2005	x			
14	10A14	Nguyễn Thị Mỹ Linh	29-07-2005	x			
15	10A14	Đỗ Ngọc Linh	16-10-2005	x			
16	10A14	Phạm Yến Linh	25-11-2005	x			
17	10A14	Trần Nguyễn Hoàng Long	18/08/2005				
18	10A14	Huỳnh Nguyễn Tấn Lượng	21-06-2005				
19	10A14	Bùi Thị Cẩm Ly	16-06-2005	x			
20	10A14	Lư Gia Mẫn	02-08-2005	x			
21	10A14	Nguyễn Hoàng Minh	06-10-2004				
22	10A14	Nguyễn Thị Na	28-06-2005	x			
23	10A14	Nguyễn Hoài Nam	18-04-2005				
24	10A14	Vũ Hoàng Kim Ngân	03-05-2003	x			
25	10A14	Lê Trọng Nhân	03-04-2004				
26	10A14	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/07/2005	x			
27	10A14	Nguyễn trần Thu Oanh	06-02-2005	x			
28	10A14	Dương Thanh Phú	08-06-2005				
29	10A14	Hồ Ngọc Sơn	13-01-2005				
30	10A14	Huỳnh Tô Quang Thắng	04/08/2005				
31	10A14	Thân Nguyễn Như Thực	01-01-2005	x			
32	10A14	Huỳnh Thị Bích Trâm	27-02-2005	x			
33	10A14	Huỳnh Thị Nhã Trân	25-10-2005	x			
34	10A14	Nguyễn Trọng Trí	25-06-2005				
35	10A14	Trần Minh Tuấn	11/11/2005				
36	10A14	Nguyễn Lê Thái Tuấn	20-04-2004				
37	10A14	Nguyễn Hoàng Vũ	19-02-2005				
38	10A14	Phan Thị Tường Vy	24-06-2005	x			
39	10A14	Nguyễn Lê Tường Vy	26/12/2005	x			
40	10A14	Vũ Quang Vinh	17/09/2005				
41	10A14	Trần Lê Thanh Xuân	23/07/2005	x			
42	10A14	Trần Thị Mỹ Uyên	15/04/2005	x			
43	10A14	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	03/06/2005	x			
44	10A14	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	10/04/2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A15	Nhữ Thị Mai Anh	07/09/2005	x			
2	10A15	Nguyễn Thị Vân Anh	19/02/2005	x			
3	10A15	Nguyễn thế Gia Bảo	05-08-2003				
4	10A15	Tổng Gia Bảo	29/08/2005				
5	10A15	Nguyễn Lê Viết Bảo	02/10/2004				
6	10A15	Hoàng Trọng Chiến	03/05/2005				
7	10A15	Phạm Bá Thành Công	14/03/2004				
8	10A15	Phạm Thị Thanh Cúc	09-08-2004	x			
9	10A15	Nguyễn Viết Đạt	19/04/2005				
10	10A15	Nguyễn Duy Đông	16/12/2004				
11	10A15	Bùi Thị Hiền	28/06/2005	x			
12	10A15	Nguyễn Thiển Hương	12/02/2004	x			
13	10A15	Trần Anh Duy Khôi	01-01-2004				
14	10A15	Trần Trúc Linh	11-01-2005	x			
15	10A15	Nguyễn Tấn Lộc	29-04-2005				
16	10A15	Nguyễn Thị Gia Ngân	20/10/2004	x			
17	10A15	Phan Thị Thu Ngân	22/01/2005	x			
18	10A15	Phan Minh Nguyệt	19/10/2005	x			
19	10A15	Đào Thị Thanh Nhân	25/11/1991	x			
20	10A15	Nguyễn Trọng Nhật	15-01-2005				
21	10A15	Nguyễn Hoài Phương Nhi	15/12/2005	x			
22	10A15	Quách Tú Nhi	12/04/2005	x			
23	10A15	Phạm Thị Yên Nhi	11/02/2005	x			
24	10A15	Đồng Nguyễn Bảo Như	29/03/2003	x			
25	10A15	Đào Hiếu Như	17/07/2005	x			
26	10A15	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	07/12/2005	x			
27	10A15	Phạm Tấn Phát	23-12-2005				
28	10A15	Lê Trọng Phúc	15/01/2004				
29	10A15	Nguyễn Minh Quang	04-02-2003				
30	10A15	Nguyễn Anh Quân	13-12-2004				
31	10A15	Thái Hoàng Quân	26/09/2005				
32	10A15	Nguyễn Văn Quân	24/08/2005				
33	10A15	Nguyễn Thanh Sang	25-06-2005				
34	10A15	Nguyễn cao Tài	21-05-2004				
35	10A15	Nguyễn Chí Tài	15/5/2005				
36	10A15	Nguyễn Đình Tấn	22/10/2005				
37	10A15	Nguyễn Huỳnh Thanh Thảo	06/06/2005				
38	10A15	Đinh Thị Thu Thảo	18/10/2005	x			
39	10A15	Nguyễn Khắc Bảo Thiết	16/07/2005				
40	10A15	Cát Thị Trà	11/04/2005	x			
41	10A15	Nguyễn Thị Trà	24/10/2005	x			
42	10A15	Đoàn Tuyết Trang	13-10-2005	x			
43	10A15	Hà Trần Yên Trang	12/04/2005	x			
44	10A15	Đồng Thiên Bảo Trân	12/05/2005	x			
45	10A15	Trần Anh Tuấn	16/08/2004				
46	10A15	Đào Đỗ Quốc Vương	30/10/2005				
47	10A15	Đoàn Thị Cẩm Vy	16/08/2005	x			
48	10A15	Trịnh Thị Hải Yến	30/04/2004	x			
49	10A15	Nguyễn Thị Kim Yến	14/02/2004	x			

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10A16	Hoàng Minh Anh	27/03/2004	x			
2	10A16	Trần Ngọc Phương Anh	28/10/2005	x			
3	10A16	Huỳnh Thanh Bảo	05/06/2005	x			
4	10A16	Phan Minh Châu	12/04/2005	x			
5	10A16	Nguyễn Ngô Trường Duy	07/08/2005				
6	10A16	Trương Thị Mỹ Duyên	13/01/2005	x			
7	10A16	Trần Võ Khánh Hà	24/09/2005	x			
8	10A16	Cao Nguyễn Minh Hải	29/10/2005				
9	10A16	Nguyễn Khánh Hào	16/08/2005				
10	10A16	Lê Nhật Hào	05/05/2005				
11	10A16	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	03/03/2005	x			
12	10A16	Nguyễn Kim Hân	09-06-2005	x			
13	10A16	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04/08/2005	x			
14	10A16	Phạm Thị Kim Hoa	31/01/2005	x			
15	10A16	Nguyễn Minh Huy	26/04/2005				
16	10A16	Nguyễn Hoàng Thanh Huy	21-01-2005				
17	10A16	Mai Lan Hương	21/08/2005	x			
18	10A16	Trần Hữu Khoa	06/11/2005				
19	10A16	Nguyễn Minh Khôi	21/02/2005				
20	10A16	Tạ Thụy Phương Lam	21/01/2005	x			
21	10A16	Phạm Hoàng Gia Linh	02/11/2005	x			
22	10A16	Nguyễn Ngọc Linh	08/09/2005	x			
23	10A16	Nguyễn Quốc Lộc	03/07/2005				
24	10A16	Trần Thanh Trúc Ly	02/02/2005	x			
25	10A16	Nguyễn Thị Thanh Mai	04/12/2004	x			
26	10A16	Cao Bình Minh	01/01/2005				
27	10A16	Nguyễn Hoàng Kim Ngọc	22/04/2005	x			
28	10A16	Cao Trọng Nhân	25/07/2005				
29	10A16	Phùng Biều Minh Nhi	13/09/2005	x			
30	10A16	Nguyễn Hồng Như	13/12/2005	x			
31	10A16	Đặng Thị Quỳnh Như	13/03/2005	x			
32	10A16	Nguyễn Hồng Phần	23/05/2005	x			
33	10A16	Trần Thái Phong	16/07/2005				
34	10A16	Nguyễn Hoàng Quyên	22/01/2004	x			
35	10A16	La Như Quỳnh	28/06/2005	x			
36	10A16	Nguyễn Quốc Sang	23/01/2005				
37	10A16	Lê Thị Thu Thảo	03/09/2005	x			
38	10A16	Lê Văn Thế	04/07/2003				
39	10A16	Dương Thị Thúy	30/01/2005	x			
40	10A16	Trần Thị Anh Thư	18/07/2005	x			
41	10A16	Ngô Quỳnh Anh Thư	09/09/2005	x			
42	10A16	Đặng Nguyễn Anh Trâm	15/09/2005	x			
43	10A16	Ngô Ngọc Trâm	25/09/2005	x			
44	10A16	Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh	01/12/2005	x			
45	10A16	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/03/2005	x			
46	10A16	Trần Phi Vân	03/08/2005	x			
47	10A16	Trần Thị Như ý	06-09-2005	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	10D1	trần đình can	01/09/1995				
2	10D1	vũ thị anh đào	14/10/1999	x			
3	10D1	trần thanh đạt	28/12/2002				
4	10D1	nguyễn thị thu hằng	06/12/2005	x			
5	10D1	Quang Minh Trọng Hiếu	24/07/2001				
6	10D1	nguyễn trung hiếu	20/04/2004				
7	10D1	hà quang huy hoàng	30/06/2003				
8	10D1	nguyễn hoàng gia huy	21/04/2002				
9	10D1	Đình Văn Hưng	11/05/2005				
10	10D1	phạm ngọc bảo khanh	16/04/2003				
11	10D1	nguyễn đồ y khoa	21/10/2003				
12	10D1	hồ duy khương	11/07/2000				
13	10D1	đặng tuấn kiên	06/06/1999				
14	10D1	Phạm Nguyễn Khánh Linh	01/11/2005	x			
15	10D1	huỳnh thị kim ngân	28/05/2001	x			
16	10D1	nguyễn trung nguyên	22/09/1999				
17	10D1	Đào Thị Hồng Nhung	08/12/2002	x			
18	10D1	Nguyễn Hữu Phúc	24/07/2005				
19	10D1	Nguyễn Thị Minh Tâm	15/04/1998	x			
20	10D1	nguyễn viết tân	04/02/2001				
21	10D1	văn hiệp thành	17/04/2003				
22	10D1	phạm thị xuân thắm	07/11/2004	x			
23	10D1	lê thế thiện	30/09/2002				
24	10D1	cao đức thịnh	17/11/1999				
25	10D1	trần ngọc thương thương	14/04/2004	x			
26	10D1	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	23/08/2003	x			
27	10D1	nguyễn minh trung	18/06/2002				
28	10D1	Lê Hoàng Anh Tú	28/10/2004				
29	10D1	Võ Nguyễn Thúy Vy	25/10/2000	x			
30	10D1	trần thị như ý	03/05/2004	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
-----	-----	-----------	-----------	----	-------------------	----------------------	---------------

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A1	Phạm Nguyễn Chăm Anh	01/08/2004	x	Tb	6.20	10A10
2	11A1	Vũ Đức Anh	09/05/2004		Tb	6.40	10A12
3	11A1	Nguyễn Hoàng Anh	04/05/2004		K	6.90	10A11
4	11A1	Trần Ngọc Trâm Anh	17/03/2004	x	Tb	6.40	10A1
5	11A1	Phạm Thị Ngọc Ánh	06/02/2003	x	K	6.90	10A1
6	11A1	Trần Thanh Bình	24/10/2004		K	7.90	10A1
7	11A1	Phạm Ngọc Duy	21/12/2003		K	8.30	10A1
8	11A1	Huỳnh Trường Đạt	26/10/2004		K	6.90	10A11
9	11A1	Nguyễn Thị Thu Hà	11/04/2004	x	Tb	6.20	10A10
10	11A1	Đỗ Ngọc Hiếu	01/01/2004		K	7.70	10A1
11	11A1	Nguyễn Thị Thu Hòa	28/09/2003	x	K	8.20	10A12
12	11A1	Bùi Đức Huy	10/02/2004		K	7.30	10A11
13	11A1	Dương Gia Huy	23/03/2003		Tb	5.00	10A1
14	11A1	Nguyễn Quang Huy	07/07/2004		Tb	5.00	10A1
15	11A1	Nguyễn Tuấn Kiệt	04/05/2003		Tb	6.60	10A12
16	11A1	Nguyễn Ngọc Phương Lan	05/01/2004	x	K	6.60	10A1
17	11A1	Thạch Thị Chiềc Linh	31-10-2003	x	Tb	6.30	10A1
18	11A1	Trần Ngọc Phương Linh	03-11-2003	x	K	8.00	10A12
19	11A1	Lương Nhật Minh	11/08/2004		K	7.00	10A12
20	11A1	Lê Thị Khánh Ngọc	01-01-2003	x			
21	11A1	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	28/12/2004	x	Tb	5.40	10A1
22	11A1	Nguyễn Thu Kim Oanh	27-03-2003	x	Tb	6.40	10A1
23	11A1	Nguyễn Trần Hữu Phúc	24/10/2004		K	7.60	10A1
24	11A1	Nguyễn Thị Trúc Phương	03/02/2004	x	K	7.70	10A11
25	11A1	Trần Minh Quân	16/11/2002		Tb	5.90	10A12
26	11A1	Nguyễn Vũ Thúy Quyền	15/04/2004	x	K	8.20	10A1
27	11A1	Phan Thị Thanh Tâm	16/02/2004	x	K	7.10	10A10
28	11A1	Ngô Hoàng Thắng	21/12/2004		K	7.40	10A1
29	11A1	Vương Nguyễn Hoàng Thiện	20/03/2004		Tb	6.30	10A1
30	11A1	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	26/01/2003	x	Tb	6.30	10A1
31	11A1	Nguyễn Hồng Anh Thư	17/03/2004	x	K	7.30	10A1
32	11A1	Lê Vô Minh Thư	02/01/2004	x	G	8.10	10A1
33	11A1	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	18/11/2004	x	Tb	6.40	10A12
34	11A1	Trần Minh Tiến	04/10/2003		K	6.80	10A1
35	11A1	Nguyễn Trọng Tiến	27/02/2004		K	8.30	10A1
36	11A1	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	12/10/2004	x	G	8.00	10A11
37	11A1	Trần Lê Mai Trúc	10/10/2004	x	Tb	6.40	10A1
38	11A1	Phạm Thị Thanh Trúc	13/08/2004	x	K	7.90	10A12
39	11A1	Lê Thành Trung	23/03/2004		K	7.10	10A1
40	11A1	Thái Lê Quang Vũ	18/09/2004		Tb	5.90	10A10
41	11A1	Nguyễn Tường Vy	29/05/2004	x	Tb	6.40	10A1
42	11A1	Phạm Nguyễn Yến Vy	31/01/2004	x	K	7.90	10A1
43	11A1	Huỳnh Ngọc Như Ý	20/10/2004	x	G	8.30	10A12

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A2	Khúc Cao Hoàng Anh	03/11/2004		K	7.60	10A12
2	11A2	Hoàng Minh Anh	15/02/2003		Tb	6.80	10A13
3	11A2	Lê Ngọc Anh	24-06-2004	x	G	8.80	10A11
4	11A2	Huỳnh Tuấn Anh	13/11/2004		Tb	5.60	10A10
5	11A2	Trần Văn Nhật Ân	07/06/2004		K	7.80	10A2
6	11A2	Nguyễn Phi Bảo	27/10/2003		Tb	6.00	10A2
7	11A2	Lý Thái Bình	20/01/2004		K	7.20	10A2
8	11A2	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	14/05/2004	x	G	8.30	10A2
9	11A2	Trần Thê Duyệt	14/03/2004		Tb	6.20	10A2
10	11A2	Nguyễn Minh Đăng	29/09/2004		K	7.50	10A11
11	11A2	Nguyễn Thị Thúy Hằng	02/08/2004	x	Tb	7.20	10A2
12	11A2	Nguyễn Ngọc Hân	19/12/2004	x	K	6.90	10A10
13	11A2	Tạ Thị Tuyết Hân	10/06/2004	x	Tb	7.20	10A2
14	11A2	Trần Thụy Ngọc Hiền	15/09/2004	x	K	6.70	10A2
15	11A2	Nguyễn Hữu Hiền	25/04/2004		K	7.70	10A2
16	11A2	Nguyễn Thái Hòa	28/05/2004		Tb	6.70	10A2
17	11A2	Nguyễn Hoàng Khang	25/10/2004		K	7.20	10A2
18	11A2	Lâm Tuấn Kiệt	22/02/2004		K	6.90	10A11
19	11A2	Hồ Ngọc Vương Liêm	22/11/2004		Tb	7.00	10A13
20	11A2	Nguyễn Văn Minh	10/05/2003		Tb	6.20	10A2
21	11A2	Nguyễn Bảo Ngân	05/06/2003	x	Tb	6.20	10A9
22	11A2	Trần Thanh Ngân	03/03/2004	x	G	8.50	10A2
23	11A2	Nguyễn Xuân Nghi	04/02/2004	x	G	8.70	10A2
24	11A2	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	04/12/2004	x	Tb	7.40	10A2
25	11A2	Vũ Thị Quỳnh Như	17/03/2004	x	G	8.40	10A2
26	11A2	Trần Lâm Tuyết Như	19/05/2004	x	Tb	5.90	10A2
27	11A2	Trần Ngọc Phát	28/08/2004		Tb	6.70	10A13
28	11A2	Lê Hoài Phương	15/07/2004	x	K	6.90	10A2
29	11A2	Đinh Thê Phương	18/02/2003		G	8.70	10A2
30	11A2	Mai Anh Quân	27/03/2004		Tb	6.60	10A2
31	11A2	Trần Thị Thanh Tâm	20/04/2004	x	K	6.60	10A2
32	11A2	Huỳnh Hữu Thanh	22/09/2004		K	7.30	10A11
33	11A2	Nguyễn Thị Mai Thảo	09/09/2004	x	K	7.10	10A10
34	11A2	Nguyễn Hữu Thắng	05/09/2004				
35	11A2	Đỗ Minh Thư	01/11/2004	x	G	8.40	10A2
36	11A2	Nguyễn Ngọc Minh Thư	13/09/2004	x	Tb	7.20	10A2
37	11A2	Nguyễn Thị Đoan Trang	16/07/2004	x	K	6.90	10A2
38	11A2	Mai Thị Quỳnh Trang	06/10/2004	x	G	8.40	10A2
39	11A2	Võ Xuân Trường	21/01/2003		Tb	6.30	10A11
40	11A2	Nguyễn Thanh Phúc Tuấn	15/01/2004		G	8.10	10A2
41	11A2	Trần Thị Thanh Vân	18/06/2004	x	Tb	6.40	10A2
42	11A2	Võ Ngọc Thảo Vy	08/01/2004	x	K	7.50	10A2
43	11A2	Tô Hồng Yến	05/12/2004	x	K	7.30	10A10

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A3	Nguyễn Đình Hoàng Anh	27/07/2004		Tb	6.40	10A12
2	11A3	Lê Quốc Bảo	20/01/2003		K	7.10	10A11
3	11A3	Nguyễn Phạm Huy Bình	12/02/2003		K	7.30	10A13
4	11A3	Nguyễn Hữu Cảnh	22-04-2004		Tb	5.00	10A3
5	11A3	Huỳnh Kim Chi	25-09-2004	x	K	7.80	10A13
6	11A3	Đỗ Thị Hồng Diễm	05/11/2004	x	G	8.60	10A10
7	11A3	Nguyễn Hoàng Đức	05/11/2003		K	7.70	10A11
8	11A3	Phan Trọng Hiếu	12/06/2004		Tb	6.20	10A3
9	11A3	Nguyễn Trung Hiếu	13/03/2004		K	7.30	10A3
10	11A3	Trần Trung Hiếu	28/05/2004		K	7.80	10A3
11	11A3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30/07/2003	x	K	7.10	10A3
12	11A3	Ngô Hoàng Tuấn Hưng	24/06/2004		Tb	6.00	10A3
13	11A3	Võ Nguyễn Quỳnh Hương	21/09/2004	x	G	8.60	10A3
14	11A3	Huỳnh Quang Khải	13/12/2004		K	7.80	10A3
15	11A3	Lê Minh Khang	11/05/2004		G	8.60	10A10
16	11A3	Ngô Nguyễn Thiên Kim	02/11/2004	x	Tb	6.90	10A3
17	11A3	Nguyễn Đình Khánh Lâm	25/09/2004		G	8.20	10A11
18	11A3	Nguyễn Thị Liên	14/02/2004	x	Tb	5.80	10A3
19	11A3	Huỳnh Quốc Nam	05/10/2004		Tb	6.00	10A3
20	11A3	Phùng Kim Ngân	16/09/2004	x	G	8.40	10A13
21	11A3	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	18-06-2004	x	Tb	6.50	10A3
22	11A3	Nguyễn Thị Yến Nhi	07/02/2004	x	Tb	6.30	10A3
23	11A3	Nguyễn Lê Tấn Phát	05/04/2004		Tb	6.10	10A3
24	11A3	Diệp Hoàng Phúc	30/12/2004		Tb	5.40	10A10
25	11A3	Lê Anh Phương	24/11/2004	x	Tb	6.10	10A3
26	11A3	Nguyễn Khánh Việt Quang	04/05/2004		Tb	5.80	10A3
27	11A3	Lê Trung Hiếu Tấn	28/01/2004		Tb	5.80	10A3
28	11A3	Lê Ngọc Thái	27/06/2004		G	8.10	10A3
29	11A3	Vũ Thị Thanh Thảo	23/05/2004	x	Tb	5.80	10A10
30	11A3	Lê Huy Thuật	15/01/2004		Tb	7.30	10A3
31	11A3	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	13/08/2003	x	Tb	6.10	10A3
32	11A3	Nguyễn Thị Thúy	24/11/2004	x	Tb	5.80	10A3
33	11A3	Trần Đắc Anh Thư	13/08/2003	x	Tb	6.40	10A11
34	11A3	Nguyễn Anh Thư	19/05/2004	x	K	7.10	10A3
35	11A3	Đinh Thị Minh Thư	25/02/2004	x	G	8.30	10A3
36	11A3	Trần Huyền Trâm	30/05/2004	x	Tb	6.60	10A3
37	11A3	Nguyễn Thanh Trúc	25/06/2003	x	Tb	5.40	10A3
38	11A3	Phạm Ngọc Trường	01/01/2004		Tb	5.60	10A3
39	11A3	Thạch Quang Trường	22/09/2004		K	6.80	10A3
40	11A3	Nguyễn Tuấn Tú	11/05/2003				
41	11A3	Mai Quỳnh Xuân Tuyền	23/04/2003	x	Tb	6.90	10A9
42	11A3	Bùi Hạ Tú Uyên	17/11/2004	x	K	7.00	10A11
43	11A3	Tạ Thị Thanh Vân	12/10/2004	x	Tb	6.10	10A3

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A4	Nguyễn Thanh An	26/01/2004		Tb	5.60	10A4
2	11A4	Lê Tuấn Anh	26-08-2003		K	8.00	10A13
3	11A4	Nguyễn Quỳnh Nguyên Ân	21/10/2004		Tb	7.10	10A4
4	11A4	Nguyễn Tấn Cường	16/04/2004		Tb	6.30	10A4
5	11A4	Nguyễn Ngọc Diễm	12/05/2003	x	Tb	5.60	10A13
6	11A4	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	31/10/2003	x	K	7.60	10A10
7	11A4	Trịnh Duy Đạt	13/03/2004		Tb	5.10	10A4
8	11A4	Vô Ngọc Đăng	23/01/2004		K	8.00	10A4
9	11A4	Nguyễn Minh Đức	03/12/2004		K	6.70	10A4
10	11A4	Đỗ Thu Hà	09/06/2004	x	K	6.60	10A4
11	11A4	Phạm Công Đức Hải	09/12/2004		Tb	6.80	10A4
12	11A4	Nguyễn Thị Kim Hiền	19/03/2004	x	K	6.90	10A4
13	11A4	Trương Đào Trọng Hiếu	14/12/2003		Tb	6.60	10A4
14	11A4	Phan Nguyễn An Khang	10/11/2004		Tb	5.80	10A4
15	11A4	Đinh Huỳnh Kim Khánh	19/04/2004	x	G	8.70	10A4
16	11A4	Trần Minh Kiệt	24/12/2004		K	6.80	10A4
17	11A4	Phan Ngọc Thiên Kim	27/02/2004	x	Tb	7.30	10A4
18	11A4	Trương Gia Linh	23/11/2004	x	Tb	5.60	10A4
19	11A4	Phạm Hoàng Long	13/09/2002		K	8.10	10A10
20	11A4	Vô Thị Hồng Mai	14/08/2004	x	K	7.90	10A4
21	11A4	Ma Anh Mì	05/03/2004	x	Tb	7.30	10A4
22	11A4	Nguyễn Ngọc Phúc Ngân	09/09/2004	x	K	7.80	10A4
23	11A4	Bùi Thị Như Ngọc	20/05/2004	x	K	7.40	10A4
24	11A4	Vô Thị Như Ngọc	28/01/2004	x			
25	11A4	Vũ Nguyễn Minh Nhật	16/12/2004		Tb	7.10	10A13
26	11A4	Bùi Võ Yến Nhi	01/04/2004	x	G	8.40	10A4
27	11A4	Thái Tuyết Nhung	30/01/2003	x	Tb	7.40	10A10
28	11A4	Nguyễn Quỳnh Như	20/11/2004	x	Tb	7.30	10A4
29	11A4	Trần Ngọc Kiều Oanh	11/12/2004	x	K	7.30	10A4
30	11A4	Phan Nguyễn Trường Phát	15/02/2004		K	7.10	10A4
31	11A4	Phạm Nguyên Phong	27/02/2004		K	7.00	10A4
32	11A4	Trần Hoàng Phúc	19/03/2004		Tb	5.90	10A4
33	11A4	Hồ Nguyễn Minh Quân	11/08/2004		K	7.50	10A4
34	11A4	Nguyễn Thị Như Quỳnh	11/06/2004	x	K	7.90	10A4
35	11A4	Huỳnh Ngọc Sương	28/01/2004	x	G	8.00	10A4
36	11A4	Thái Hữu Thọ	04/08/2004		Tb	6.40	10A4
37	11A4	Nguyễn Thành Thọ	30/12/2003		K	7.60	10A10
38	11A4	Ngô Thị Minh Thư	25/09/2004	x	Tb	6.10	10A4
39	11A4	Phí Đức Thức	24/04/2004		Tb	6.90	10A4
40	11A4	Đặng Nguyễn Ngọc Trân	21/09/2004	x	K	7.00	10A4
41	11A4	Vô Minh Tú	05/09/2004		Tb	6.20	10A10
42	11A4	Huỳnh Thị Thúy Vy	18/09/2004	x	Tb	5.90	10A4
43	11A4	Nguyễn Thị Kim Xuyên	15/11/2004	x	G	8.20	10A4

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A5	Đỗ Thị Vân Anh	20/03/2004	x	K	8.10	10A5
2	11A5	Nguyễn Văn Di Châu	07/07/2004	x	K	8.10	10A12
3	11A5	Phan Huyền Hồng Chi	08/08/2004	x	K	7.10	10A11
4	11A5	Cao Thị Ngọc Diệu	19/09/2004	x	K	7.60	10A5
5	11A5	Phạm Duy	26/10/2004		Tb	5.80	10A13
6	11A5	Ngô Quốc Duy	18/11/2004		Tb	5.60	10A5
7	11A5	Vũ Thị Mỹ Duyên	16/11/2004	x	K	7.80	10A10
8	11A5	Nguyễn Văn Đức	10/07/2003		K	7.20	10A5
9	11A5	Đinh Thị Thu Hà	13/07/2004	x	K	7.40	10A11
10	11A5	Lê Hoàng Hải	28/02/2004		K	7.00	10A5
11	11A5	Trần Nguyễn Ngọc Hân	30/01/2003	x	Tb	6.90	10A5
12	11A5	Đặng Lê Hiếu	14/03/2004		Tb	5.80	10A5
13	11A5	Phan Hoàng Lê Huy	12/04/2003		Tb	6.40	10A12
14	11A5	Tạ Thị Như Huyền	08/12/2004	x	K	7.50	10A5
15	11A5	Phạm Hoài Văn Khanh	13-03-2004	x	K	7.10	10A12
16	11A5	Nguyễn Văn Khoa	07/10/2002		K	7.40	10A5
17	11A5	Phạm Bá Khôi	26/02/2004		K	6.90	10A12
18	11A5	Phạm Thị Kiều Linh	16/02/2003	x	K	7.90	10A12
19	11A5	Phan Thành Lợi	01/03/2004		K	7.10	10A5
20	11A5	Trần Văn Lợi	07/11/2004		K	7.70	10A11
21	11A5	Vũ Thị Ngọc Mai	11/04/2004	x	G	8.50	10A5
22	11A5	Nguyễn Kim Ngân	01/03/2004	x	K	7.20	10A5
23	11A5	Nguyễn Hoàng Nhật	08/09/2001		Tb	6.60	10A5
24	11A5	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	01/03/2003	x	K	7.70	10A13
25	11A5	Nguyễn Quang Phi	26/01/2004		Tb	5.90	10A10
26	11A5	Nguyễn Mạnh Quyết	26/11/2003		K	8.00	10A10
27	11A5	Nguyễn Phan Minh Tâm	18/06/2004		Tb	6.30	10A12
28	11A5	Trần Nhật Tâm	23/09/2004	x	Tb	6.60	10A5
29	11A5	Mã Quốc Tâm	15/04/2004		Tb	6.40	10A5
30	11A5	Trần Phúc Thịnh	24/10/2002		K	7.40	10A5
31	11A5	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	27/01/2004	x	Tb	6.70	10A10
32	11A5	Ngô Nguyễn Ngọc Anh Thư	07/01/2004	x	K	7.70	10A5
33	11A5	Lại Thị Anh Thư	02/02/2004	x	K	7.50	10A11
34	11A5	Nguyễn Minh Tiến	09/09/2003				
35	11A5	Nguyễn Hữu Đức Toàn	13/08/2004		K	6.90	10A11
36	11A5	Trần Thị Phương Trang	30/07/2003	x	Tb	6.90	10A11
37	11A5	Trần Thị Hải Trân	07/09/2004	x	Tb	6.30	10A5
38	11A5	Trần Bình Trọng	02/05/2004		G	8.90	10A5
39	11A5	Lê Thị Cẩm Tú	06/11/2004	x	Tb	5.90	10A12
40	11A5	Vô Thị Thanh Tuyền	28/11/2004		K	7.90	10A10
41	11A5	Nguyễn Thị Thảo Vi	24/04/2004	x	K	7.40	10A5
42	11A5	Nguyễn Trường Xuân	28/06/2003		K	7.30	10A5
43	11A5	Trần Thị Yên	26/10/2004	x	K	7.90	10A12

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A6	Trần Nguyễn Nguyên Anh	28/04/2004		K	7.50	10A6
2	11A6	Huỳnh Thế Anh	24/04/2004		K	6.90	10A6
3	11A6	Trần Nguyễn Thùy Dương	17/07/2004	x	K	7.20	10A6
4	11A6	Dương Thành Đạt	15/03/2004		G	8.90	10A6
5	11A6	Vũ Văn Đoan	16/11/2004		Tb	6.20	10A13
6	11A6	Phạm Hữu Đức	26/03/2004		K	7.90	10A10
7	11A6	Đinh Lê Hân	09/07/2004	x	Tb	5.60	10A6
8	11A6	Nguyễn Minh Hiếu	29/01/2004		K	7.90	10A6
9	11A6	Huỳnh Gia Huy	04/06/2004		K	7.70	10A6
10	11A6	Lê Thị Quỳnh Hương	25/11/2004	x	G	8.80	10A6
11	11A6	Trần Nguyễn Đăng Khoa	04/08/2004		Tb	7.40	10A6
12	11A6	Tôn Nhật Lan	06/08/2004	x	Tb	6.90	10A6
13	11A6	Đoàn Phú Lâm	07/06/2004		G	8.30	10A6
14	11A6	Nguyễn Thị Thanh Liên	26/05/2004	x	K	6.90	10A6
15	11A6	Trần Nguyễn Hoàn Mỹ	24/07/2004	x	G	8.90	10A6
16	11A6	Nguyễn Khánh Ngọc	02/02/2004	x	Tb	5.90	10A6
17	11A6	Nguyễn Thị Thanh Nhã	18/05/2004	x	K	7.40	10A6
18	11A6	Bùi Minh Nhật	27/10/2003		Tb	5.90	10A6
19	11A6	Phạm Thị Yến Nhi	24/05/2004	x	K	7.40	10A6
20	11A6	Dương Tô Quỳnh Như	11/02/2004	x	K	8.20	10A6
21	11A6	Phạm Đỗ Huy Phúc	13/07/2003		Tb	6.50	10A10
22	11A6	Phạm Minh Quang	27/11/2004		Tb	6.80	10A6
23	11A6	Đỗ Tú Quyên	11/03/2004	x	G	9.00	10A6
24	11A6	Lê Nguyễn Thanh Sang	17/01/2004		Tb	6.30	10A6
25	11A6	Trần Bảo Tâm	02/01/2003		Tb	6.90	10A13
26	11A6	Lê Nguyễn Loan Thảo	16/06/2003	x	Tb	6.00	10A6
27	11A6	Trịnh Minh Thế	27/11/2004		Tb	6.80	10A6
28	11A6	Nguyễn Phan Hồng Thi	04/07/2004	x	Tb	6.30	10A8
29	11A6	Nguyễn Hoàng Thi Thơ	15/07/2004	x	G	8.70	10A6
30	11A6	Nguyễn Thị Thúy	18/04/2004	x	K	7.80	10A6
31	11A6	Võ Nguyễn Minh Thư	29/09/2004	x	G	8.60	10A6
32	11A6	Trương Thị Minh Thư	13/04/2004		Tb	7.10	10A6
33	11A6	Lưu Thị Trang Thư	01/10/2004		K	7.20	10A6
34	11A6	Lê Huỳnh Nhật Tiến	15/01/2004		K	7.10	10A6
35	11A6	Phạm Quốc Toàn	04/01/2004		Tb	6.50	10A10
36	11A6	Vô Văn Toàn	17/01/2004		K	6.70	10A6
37	11A6	Nguyễn Huỳnh Thu Trang	06/07/2004	x	K	7.80	10A6
38	11A6	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/06/2004	x	K	8.30	10A6
39	11A6	phạm thị ngọc trâm	17-12-2004	x			
40	11A6	Lê Anh Tuấn	01/11/2004		Tb	6.10	10A6
41	11A6	Nguyễn Trần Bảo Vi	02/10/2004	x	K	7.60	10A6
42	11A6	Trần Nhật Vĩnh	20/02/2004		Tb	5.40	10A10
43	11A6	huỳnh lê tuần vũ	13-04-2002				
44	11A6	Trần Thảo Vy	17/08/2004	x	Tb	6.60	10A6

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A7	Nguyễn Thị Thúy Diệu	31/08/2004	x			
2	11A7	Phạm Ngọc Duy	26/05/2004		K	7.30	10A12
3	11A7	Vô Phi Duy	20/10/2002		Tb	6.60	10A11
4	11A7	Tạ Thanh Đạt	28/07/2004		Tb	6.20	10A7
5	11A7	Nguyễn Thế Giáp	10/07/2004		Tb	6.40	10A13
6	11A7	Lý Thiện Hải	27/08/2003		Tb	6.90	10A11
7	11A7	Nguyễn Hồng Hiếu	30/09/2004		Tb	5.40	10A7
8	11A7	Nguyễn Việt Hoàng	30/03/2004		Tb	6.30	10A7
9	11A7	Vũ Anh Huy	28/10/2003				
10	11A7	Hoàng Tiến Hưng	06/06/2004		K	7.50	10A12
11	11A7	Nguyễn Mai Hoàng Khang	04/12/2003		Tb	6.00	10A7
12	11A7	Nguyễn Anh Khoa	09/02/2004		Tb	5.50	10A7
13	11A7	Nguyễn Thanh Kiệt	28/09/2004		Tb	6.40	10A7
14	11A7	Nguyễn Tấn Võ Cao Kỳ	22/01/2004		Tb	5.90	10A7
15	11A7	Phạm Thị Thanh Mai	03/12/2003	x	G	8.60	10A11
16	11A7	Huỳnh Hoài Nam	19/05/2004		Tb	6.60	10A7
17	11A7	hồ kim ngân	02-08-2002	x			
18	11A7	huỳnh trọng Nghĩa	23-01-2003				
19	11A7	Dương Tuấn Ngọc	10/04/2001		G	8.70	10A12
20	11A7	Lại Trương Hoàng Nhi	17/08/2004	x	Tb	5.40	10A13
21	11A7	Vô Thị Kim Nhi	15/09/2004	x	K	8.00	10A7
22	11A7	Nguyễn Thị Linh Nhi	30/09/2004	x	Tb	6.00	10A7
23	11A7	Thạch Thị Ngọc Nhung	13/04/2004	x	Tb	5.30	10A7
24	11A7	Trần Ngọc Trúc Quỳnh	05/11/2004	x	Tb	6.90	10A7
25	11A7	Lê Hoàng Sang	16/01/2004		K	7.40	10A7
26	11A7	Lương Tiến Sỹ	18/09/2004		Tb	6.30	10A7
27	11A7	nguyễn thị thanh tâm	25-01-2004	x			
28	11A7	Nguyễn Thành Chí Thiện	10/07/2004		K	6.50	10A7
29	11A7	Nguyễn Thị Kim Thùy	30/01/2004	x	K	7.30	10A7
30	11A7	Nguyễn Hoàng Minh Thư	29/05/2004	x	K	7.80	10A11
31	11A7	Võ Minh Thư	13/02/2004	x	G	8.40	10A12
32	11A7	Vương Minh Thư	12/06/2004	x	K	7.80	10A7
33	11A7	Nguyễn Hồng Anh Thy	05/07/2004	x	K	8.10	10A7
34	11A7	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/03/2004	x	K	7.30	10A7
35	11A7	Lê Thị Kiều Trinh	26/01/2004	x	Tb	5.50	10A7
36	11A7	Hồ Chí Trung	01/11/2004		G	8.40	10A7
37	11A7	Vô Thành Trung	23/06/2003		K	7.30	10A7
38	11A7	Bùi Thiên Trường	05/10/2004		Tb	5.90	10A7
39	11A7	Đỗ Huỳnh Phương Uyên	18/08/2003	x	Tb	5.20	10A7
40	11A7	Vũ Ngọc Phương Uyên	21/10/2004	x	K	7.40	10A7
41	11A7	Nguyễn Quang Vinh	04/01/2004		Tb	5.60	10A7
42	11A7	Vũ Thành Vinh	17/05/2004		Tb	5.50	10A12

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A8	Trần Phú Thiên An	08/04/2004		Tb	6.60	10A8
2	11A8	nguyễn tuấn Anh	25-11-2003				
3	11A8	Nguyễn Duy Bằng	25/12/2003		K	7.60	10A8
4	11A8	Nguyễn Thanh Diệp	26/10/2004		K	7.00	10A8
5	11A8	Lê Trường Duy	29/08/2002		K	8.00	10A11
6	11A8	võ thủy duyên	18-01-2003	x			
7	11A8	lương quốc đạt	09-06-2003				
8	11A8	Nguyễn Thành Đạt	13/06/2004		K	7.00	10A12
9	11A8	Nguyễn Thị Thanh Hà	26/03/2004	x	G	8.60	10A8
10	11A8	Lê Trương Thanh Hằng	04/05/2004	x	Tb	5.30	10A11
11	11A8	Nguyễn Xuân Gia Hân	23/10/2003	x	Tb	6.00	10A8
12	11A8	Nguyễn Phú Trần Hiệp	25/05/2004		Tb	5.90	10A13
13	11A8	Trần Minh Hòa	26/08/2004		G	8.10	10A8
14	11A8	Bùi Quang Hoàn	12/09/2004		Tb	7.30	10A8
15	11A8	Trần Đức Huy Hoàng	28/09/2004		Tb	6.40	10A8
16	11A8	Trần Đức Hùng	05/07/2002		Tb	6.20	10A8
17	11A8	Trần Đức Huy	13/08/2004		K	7.50	10A13
18	11A8	Trương Đức Huy	21/11/2003		Tb	5.90	10A8
19	11A8	Phan Quỳnh Hương	28/08/2004	x	K	7.70	10A12
20	11A8	Phạm Thị Vân Khánh	24/12/2003	x	Tb	6.20	10A8
21	11A8	Nguyễn Tuấn Kiệt	30/11/2004		Tb	6.00	10A8
22	11A8	Trần Ngọc Khánh Linh	29/09/2003	x	Tb	6.40	10A8
23	11A8	sỹ đạt long	26-07-2003				
24	11A8	Phạm Hoàng Nam	08/12/2004		K	8.40	10A11
25	11A8	Lê Trọng Nghĩa	27/11/2004		Tb	5.60	10A8
26	11A8	Thân Trọng Nghĩa	19/01/2004		Tb	5.50	10A8
27	11A8	Đặng Tâm Như	14/05/2004	x	K	7.90	10A12
28	11A8	Đinh Trần Hoàng Phúc	18/07/2003		Tb	5.20	10A8
29	11A8	Lương Thị Nhã Phương	05/11/2004	x	Tb	6.00	10A8
30	11A8	Phạm Minh Quang	20/02/2004		Tb	6.00	10A8
31	11A8	Nguyễn Thế Quang	26/01/2004		Tb	6.00	10A8
32	11A8	Trương Phan Thái Sơn	29/11/2004		K	8.10	10A8
33	11A8	Võ Tấn Tài	30/09/2003		Tb	5.90	10A8
34	11A8	Đinh Ngọc Thọ	21/11/2004		K	7.20	10A8
35	11A8	Phùng Bá Thông	05/04/2004		Tb	5.30	10A8
36	11A8	Nguyễn Hoài Minh Thư	17/08/2004	x	K	7.80	10A8
37	11A8	Huỳnh Văn Tiến	03/03/2004		K	7.20	10A11
38	11A8	Nguyễn Đăng Toàn	06/12/2002		K	7.10	10A8
39	11A8	Nguyễn Văn Tuấn	23/05/2003		Tb	5.00	10A8
40	11A8	Bùi Hoàng Vũ	21/10/2004		Tb	6.50	10A8
41	11A8	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	21/08/2003	x			
42	11A8	Nguyễn Thị Thanh Uyên	08/11/2003	x			

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

DANH SÁCH HỌC SINH
LỚP: 11A9, GVCN: NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A9	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/03/2004	x	Tb	6.10	10A8
2	11A9	trương nguyệt Ánh	21-08-2002	x			
3	11A9	Đào Thị Mỹ Duyên	06/01/2004	x	K	8.00	10A11
4	11A9	nguyễn thị thủy dương	02-11-2004	x			
5	11A9	Huỳnh Anh Đức	07/09/2003		G	8.20	10A12
6	11A9	nguyễn hoàng long hải	23-11-2003				
7	11A9	Trần Ngọc Hân	11/09/2004	x	G	8.40	10A8
8	11A9	Trần Minh Hậu	13/01/2004		K	7.40	10A11
9	11A9	Phan Quốc Hội	25/04/2004		Tb	6.50	10A13
10	11A9	Lê Gia Huân	04/02/2004		G	8.50	10A7
11	11A9	Phạm Thùy Linh	17/06/2004	x	G	8.30	10A8
12	11A9	Ngô Phi Lộc	23/03/2004		K	7.10	10A7
13	11A9	Nguyễn Phương Nam	05/11/2004		Tb	6.30	10A8
14	11A9	Nguyễn Thị Ngân	01/11/2001	x	Tb	5.90	10A13
15	11A9	Đoàn Ngọc Thiên Ngân	11/11/2004	x	K	7.70	10A8
16	11A9	nguyễn đức dung nghi	23-01-2004	x			
17	11A9	Nguyễn Ngọc Tường Nghi	22/07/2004	x	G	8.80	10A8
18	11A9	Đinh Duy Nghĩa	02/01/2003		Tb	6.10	10A7
19	11A9	Bùi Ngọc Ái Nhi	18/06/2004	x	K	7.50	10A11
20	11A9	Trịnh Ngọc Bảo Nhi	21/04/2004	x	K	6.50	10A7
21	11A9	trần dương hoàng nhi	16-01-2005	x			
22	11A9	Trần Thị Hồng Nhung	12/10/2004	x	K	6.80	10A6
23	11A9	Bạch Nhã Phương	23/11/2004	x	G	8.20	10A5
24	11A9	Nguyễn Thị Tổ Quyền	22/07/2004	x	G	8.30	10A5
25	11A9	Vũ Trọng Quyền	04/04/2004		K	7.00	10A5
26	11A9	trần tú Quỳnh	23-10-2004	x			
27	11A9	Nguyễn Quý Tâm	06/01/2004		K	7.90	10A8
28	11A9	Trần Thông Thái	26/10/2004		Tb	6.00	10A5
29	11A9	Nguyễn Khắc Hoàng Thám	12/03/2004		K	8.40	10A7
30	11A9	Nguyễn Mai Phương Thảo	07/02/2004	x	G	8.50	10A8
31	11A9	Trần Kim Thi	23/11/2004	x	Tb	6.10	10A5
32	11A9	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10/08/2001	x			
33	11A9	Bùi Thị Thương	24/07/2004	x	K	7.50	10A8
34	11A9	nguyễn trọng Tín	27-07-2003				
35	11A9	Nguyễn Trung Tín	11/06/2004		Tb	6.00	10A11
36	11A9	Phạm Quốc Toàn	02/08/2004		K	7.10	10A8
37	11A9	Huỳnh Bích Trâm	30/11/2004	x	K	8.00	10A8
38	11A9	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	11/07/2004	x	G	9.00	10A5
39	11A9	Cao Văn Trúc	23-02-2004		Tb	5.80	10A8
40	11A9	Nguyễn Ngọc Thanh Tú	16/03/2004	x	Tb	6.10	10A8
41	11A9	Mai Văn Võ	07/07/2004		G	8.00	10A5
42	11A9	Lê Thùy Nhã Vy	31/10/2004	x	G	8.60	10A5
43	11A9	Phạm Thị Tường Vy	01/02/2004	x	Tb	6.50	10A5
44	11A9	Huỳnh Chí Vy	25/11/2004		K	7.20	10A7
45	11A9	Nguyễn Thị Hồng Yến	05/02/2004	x	K	7.60	10A8

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A10	Lê Hoàng Duy Anh	01/08/2003		G	8.40	10A1
2	11A10	Đinh Huy Du	13/08/2004		Tb	5.90	10A1
3	11A10	Lê Thị Mỹ Duyên	11/11/2003	x	K	7.10	10A7
4	11A10	Ngô Thị Mỹ Duyên	29/05/2004	x	G	8.60	10A2
5	11A10	Lương Điền Đan	12/06/2002		K	7.10	10A10
6	11A10	Đỗ Thành Đạt	19/03/2004		K	6.60	10A9
7	11A10	Phạm Thanh Hải	08/10/2004		K	7.70	10A2
8	11A10	Nguyễn Ngọc Hân	11/02/2004	x	K	7.80	10A7
9	11A10	Nguyễn Trương Huy Hoàng	07/02/2004		G	8.10	10A2
10	11A10	Võ Nhật Hoàng	18/02/2004		G	8.60	10A2
11	11A10	Lê Văn Quốc Huy	07/01/2004		Tb	5.70	10A13
12	11A10	Ngô Nguyễn Từ Huy	16/08/2002		Tb	7.80	10A2
13	11A10	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	14/12/2004		K	7.20	10A9
14	11A10	Nguyễn Thị Cẩm Linh	18/08/2004	x	G	8.60	10A2
15	11A10	Trần Như Long	23/08/2004		G	8.70	10A10
16	11A10	Đoàn Việt Long	12/05/2004		K	6.90	10A10
17	11A10	Nguyễn Thị Cẩm Ly	14/09/2004	x	Tb	6.10	10A13
18	11A10	Trương Đức Minh	04/06/2001		K	7.90	10A5
19	11A10	Nguyễn Thanh Trà My	25/05/2004	x	K	7.70	10A7
20	11A10	Vũ Khánh Ngọc	12/04/2004	x	Tb	5.20	10A13
21	11A10	Hoàng Thị Mỹ Nhi	26/06/2004	x	G	8.80	10A2
22	11A10	Ngô Phạm Quốc Phong	07/03/2004		K	7.10	10A10
23	11A10	Trần Tuyết Phương	09/07/2004	x	G	8.10	10A13
24	11A10	Hoàng Thị Thu Phụng	11/10/2003	x	G	8.50	10A13
25	11A10	Nguyễn Việt Quang	20/11/2004		K	7.10	10A2
26	11A10	Nguyễn Anh Quân	25/04/2004		K	7.20	10A3
27	11A10	Nguyễn Thế Sang	04/10/2004		K	7.50	10A3
28	11A10	Nguyễn Hữu Tài	10/01/2004		Tb	7.20	10A10
29	11A10	Lê Quang Huệ Tâm	26/02/1999	x	G	9.10	10A10
30	11A10	Trần Minh Thành	21/07/2004		G	8.00	10A1
31	11A10	Nguyễn Hoàng Quốc Thành	23/08/2003		G	8.30	10A1
32	11A10	Trần Ngọc Thanh	10/08/2004		Tb	6.00	10A6
33	11A10	Trần Thanh Thảo	27/09/2004	x	K	8.00	10A5
34	11A10	Thạch Thuận Thiên	18/01/2004		K	7.70	10A10
35	11A10	Đặng Ngọc Thúy	11/12/2004	x	G	8.20	10A2
36	11A10	Võ Đoàn Anh Thư	11/06/2004	x	K	7.70	10A1
37	11A10	Huỳnh Ngọc Anh Thư	16/12/2004	x	K	7.70	10A7
38	11A10	Nguyễn Trần Phương Thy	01/10/2004	x	Tb	5.70	10A7
39	11A10	Nguyễn Thị Thuận Thy	11/02/2004	x	G	9.10	10A9
40	11A10	Võ Nữ Thùy Trâm	17/05/2004	x	K	6.80	10A13
41	11A10	Nguyễn Thùy Huế Trân	30/09/2004	x	K	7.30	10A2
42	11A10	Nguyễn Ngọc Khánh Trân	14/10/2004	x	Tb	6.80	10A13
43	11A10	Nguyễn Văn Trung	27/05/2002		K	7.50	10A13
44	11A10	Phan Hữu Trường	08/09/2004		K	7.90	10A10
45	11A10	Trần Minh Tuấn	07/07/2003		Tb	6.10	10A13

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A11	Nguyễn Phước Tuyết Anh	28/11/2003	x	Tb	5.90	10A10
2	11A11	Nguyễn Thị Ngọc Bảo	08/01/2004	x	G	8.00	10A2
3	11A11	Phạm Thanh Dân	01/01/2003	x	K	8.20	10A2
4	11A11	Nguyễn Hồ Phước Duy	17/01/2004		K	6.60	10A4
5	11A11	Lê Thị Mỹ Duyên	31/10/2002	x	G	8.40	10A11
6	11A11	Lê Quý Dương	10/11/2003		K	7.40	10A3
7	11A11	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/12/2004	x	G	8.40	10A5
8	11A11	Cao Thị Trúc Đào	02/04/2004	x	G	8.40	10A11
9	11A11	Huỳnh Tấn Đạt	12/05/2004		G	8.50	10A5
10	11A11	Nguyễn Thị Tuyết Giao	11/01/2004	x	K	7.90	10A5
11	11A11	Nguyễn Đức Hoàng	24/08/2004		K	7.20	10A4
12	11A11	Nguyễn Thu Hồng	22/03/2003	x	K	7.40	10A11
13	11A11	Trần Thị Tuyết Hồng	24/09/2004	x	K	7.90	10A5
14	11A11	Lê Kim Hùng	30/11/2004		G	8.50	10A2
15	11A11	Hoàng Thị Quỳnh Hương	10/12/2004	x	Tb	6.90	10A3
16	11A11	Lê Nguyễn Đăng Khoa	30/10/2001		K	7.10	10A11
17	11A11	Nguyễn Gia Linh	27/01/2004	x	K	7.90	10A10
18	11A11	Nguyễn Thị Khánh Linh	01/10/2003	x	K	7.70	10A12
19	11A11	Trần Thùy Linh	18/10/2004	x	G	8.70	10A3
20	11A11	Lâm Ngọc Mẫn	25/05/2004	x	K	7.70	10A1
21	11A11	Nguyễn Thị Trà My	27/07/2004	x	G	8.30	10A3
22	11A11	Hứa Lê Kim Ngân	03/04/2004	x	G	8.60	10A5
23	11A11	Nguyễn Thanh Ngân	09/10/2004	x	K	6.90	10A1
24	11A11	Nguyễn Lê Hoài Ngọc	06/12/2004	x	K	7.70	10A5
25	11A11	Trần Thị Thanh Nhã	13/11/2004	x	G	8.90	10A1
26	11A11	Nguyễn Minh Nhật	05/10/2004		G	9.00	10A2
27	11A11	Nguyễn Ngọc Hồng Nhung	11/05/2004	x	Tb	6.20	10A3
28	11A11	Phạm Thị Quỳnh Như	10/09/2004	x	G	8.40	10A3
29	11A11	Vũ Hoàng Phong	02/10/2002		Tb	6.20	10A1
30	11A11	Lê Thị Kim Phụng	15/08/2004	x	K	6.80	10A3
31	11A11	Lê Thị Tuyết Sương	12/06/2004	x	K	7.70	10A1
32	11A11	Thái Thị Thùy	16/10/2004	x	K	8.20	10A1
33	11A11	Trần Thị Anh Thư	03/04/2004	x	Tb	6.90	10A4
34	11A11	Phan Trần Anh Thư	27/04/2004	x	K	7.20	10A1
35	11A11	Hồ Trần Thanh Trang	30/09/2004	x	K	7.90	10A1
36	11A11	Đào Nguyễn Bích Trâm	14/04/2004	x	G	8.30	10A1
37	11A11	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	03/04/2004	x	G	8.20	10A4
38	11A11	Phan Thanh Tú	25/08/2001		K	7.10	10A10
39	11A11	Lý Kim Tuyền	16/03/2004	x	G	8.30	10A13
40	11A11	Vũ Lê Ánh Tuyết	17/03/2004	x	G	8.70	10A3
41	11A11	Vô Thị Vân	22/05/2004	x	K	7.10	10A10
42	11A11	Nguyễn Thị Lê Vy	17/11/2004	x	K	7.50	10A13
43	11A11	Đoàn Thúy Vy	29/12/2004	x	K	7.60	10A4
44	11A11	Phạm Thúy Vy	23/09/2004	x	Tb	6.20	10A10
45	11A11	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10/09/2004	x	K	8.40	10A10

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A12	Đinh Tuấn An	17/03/2003		Tb	6.10	10A13
2	11A12	Đào Thị Lan Anh	19/12/2004	x	Tb	6.10	10A13
3	11A12	lê thị trâm Anh	01-06-2002	x			
4	11A12	Đoàn Thị Ngọc Ánh	18/09/2004	x	K	8.40	10A9
5	11A12	Đặng Nhật Thiên Bảo	05/06/2004		K	7.80	10A9
6	11A12	Lê Trương Minh Cà	31/01/2004		K	8.30	10A9
7	11A12	Trịnh Phú Cường	05/01/2004		K	7.70	10A9
8	11A12	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	20/02/2004	x	K	8.00	10A9
9	11A12	Đỗ Thành Đạt	11/07/2004		K	8.40	10A9
10	11A12	Dương Thành Đô	08/09/2004		K	7.30	10A9
11	11A12	Lê Nguyễn Trường Guyn	23/04/2003		G	8.40	10A9
12	11A12	Bùi Phương Hân	07/12/2004	x	G	8.80	10A9
13	11A12	Phan Bảo Hiền	25/11/2002		K	7.00	10A9
14	11A12	Lương Thảo Huệ	12/12/2004	x	K	7.00	10A9
15	11A12	Nguyễn Hoàng Gia Huy	01/06/2004		K	8.60	10A9
16	11A12	Trần Nguyễn Gia Huy	14/08/2004		K	6.80	10A9
17	11A12	Nguyễn Thị Hồng Hương	18/07/2004	x	K	7.20	10A12
18	11A12	Ngô Thành Khôi	14/10/2004		K	7.70	10A12
19	11A12	Huỳnh Thị Mộng Kiều	29/01/2004	x	G	8.90	10A9
20	11A12	Nguyễn Lâm Kiều Linh	29/04/2004	x	K	8.20	10A9
21	11A12	Đặng Lê Kiều Linh	26/01/2004	x	K	7.80	10A9
22	11A12	Phạm Ngọc Trúc Linh	07/01/2004	x	K	8.60	10A9
23	11A12	Nguyễn Văn Nghĩa	16/05/2003		Tb	6.50	10A9
24	11A12	Phạm Minh Nhật	11/02/2003		K	8.50	10A9
25	11A12	Trần Ngọc Tuyết Nhung	18/03/2004	x	K	7.80	10A9
26	11A12	Nguyễn Thanh Pha	15/11/2004		Tb	5.10	10A9
27	11A12	Nguyễn Nhựt Phi	25/02/2004		Tb	7.00	10A9
28	11A12	Lai Hồng Phúc	09/03/2004		K	7.60	10A9
29	11A12	Tôn Thất Quý	02/06/2004		G	9.00	10A9
30	11A12	Nguyễn Văn Tài	16/05/2003		K	6.70	10A9
31	11A12	Nguyễn Hữu Tân	17/10/2004		K	8.20	10A9
32	11A12	Đặng Quốc Thanh	04/10/2004		Tb	6.50	10A9
33	11A12	Nguyễn Thanh Thảo	26/02/2004	x	K	8.00	10A9
34	11A12	Nguyễn Thị Thảo	07/06/2004	x	G	8.90	10A9
35	11A12	Nguyễn Đại Phú Thịnh	17/11/2004		K	7.30	10A9
36	11A12	đinh thị hoài Thu	16-04-2004	x			
37	11A12	Vô Thị Thanh Thúy	23/09/2004	x	K	8.30	10A9
38	11A12	Kim Anh Thư	16/08/2004	x	Tb	5.40	10A9
39	11A12	Huỳnh Thị Minh Thư	30/06/2003	x	Tb	6.30	10A9
40	11A12	Lê Đoàn Tổ Trinh	13/11/2004	x	Tb	6.10	10A9
41	11A12	Nguyễn Hồng Phương Vi	06/03/2004	x	K	7.60	10A9
42	11A12	Hà Thị Tường Vi	06/06/2004	x	Tb	6.40	10A13
43	11A12	Nguyễn Phú Vinh	13/01/2004		Tb	6.20	10A9
44	11A12	Thạch Yến Vy	20/02/2004	x	Tb	6.60	10A9
45	11A12	Nguyễn Hoàng Yến	19/11/2004	x	G	8.20	10A9

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	11A13	Huỳnh Ngọc Trâm Anh	16-02-2004	x			
2	11A13	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	10-04-2005	x			
3	11A13	Nguyễn Trần Kim Chi	02/05/2001	x	G	9.30	10D1
4	11A13	Trần Lê Thế Cường	02/06/2001		K	7.10	10D1
5	11A13	Cao Hữu Duy	14-06-2004				
6	11A13	Đặng Thị Khánh Duyên	24-04-2004	x			
7	11A13	Trần Hải Đông	21/06/2001				
8	11A13	Nguyễn Văn Đồng	15/01/1997		G	8.50	10D1
9	11A13	Nguyễn Văn Đức	21/09/2002		Tb	6.50	10D1
10	11A13	Nguyễn thị Thanh Hiền	30-12-2004	x			
11	11A13	Mã Hiếu Hiệp	02/06/2001		K	7.50	10D1
12	11A13	Vũ Thị Kim Huế	01/11/2001	x	G	8.60	10D1
13	11A13	Nguyễn Gia Huy	29-09-2003				
14	11A13	Vũ Thị Thu Hương	01/11/2001	x	G	8.60	10D1
15	11A13	Phạm Hồ Nguyên Kha	04-06-2003				
16	11A13	Nguyễn Ngô Đăng Khoa	06-03-2004				
17	11A13	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	20-10-2005				
18	11A13	Trần Thị Hồng Nga	10-12-2004	x			
19	11A13	Đặng Kim Ngân	26-01-2001	x			
20	11A13	Trần Ngọc Kim Ngân	09-06-2003	x			
21	11A13	Nguyễn Duy Ngọc	30-06-2003				
22	11A13	Phạm Như Ngọc	18-11-2004	x			
23	11A13	Tăng Nguyễn Quỳnh Như	25-01-2004	x			
24	11A13	Lê Thị Oanh	29/12/2002	x	K	7.90	10D1
25	11A13	Lê Thị Tuyết Oanh	06/05/2003	x	K	7.70	10D1
26	11A13	Lê Minh Phát	16/10/2003				
27	11A13	Nguyễn Vũ Tân Quang	25/09/1997				
28	11A13	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	03-06-2005	x			
29	11A13	Phan Thị Kim Sang	20/10/2003	x	K	7.70	10D1
30	11A13	Lê Hồng Sơn	10/04/1998		K	7.80	10D1
31	11A13	Đặng Việt Thái	20-07-2003				
32	11A13	Trịnh Thị Thanh Thanh	08-12-2004	x			
33	11A13	Trần Hồ Quốc Thắng	26-09-2003				
34	11A13	Nguyễn Thị Anh Thư	13-02-2004	x			
35	11A13	Hà Mộng Hoài Thương	08-04-2004	x			
36	11A13	Ngô Quỳnh Linh Trang	24-04-2004	x			
37	11A13	Nguyễn Trần Bảo Trân	17-02-2005	x			
38	11A13	Nguyễn Anh Ngọc Tuyền	26-10-2004	x			
39	11A13	Trần Thị Mỹ Uyên	15-04-2005	x			
40	11A13	Huỳnh Lê Phương Uyên	26-12-2005	x			
41	11A13	Phạm Phương Uyên	09-10-2004	x			
42	11A13	Nguyễn Hạnh Vi	05-02-2004	x			
43	11A13	Vương Nguyễn Tường Vi	21/07/2002	x	G	8.60	10D1
44	11A13	Vũ Quang Vinh	17-09-2005				
45	11A13	Lê Minh Vũ	27-10-2000		K	7.00	10D1
46	11A13	Lâm Nguyên Vũ	27-03-2005				
47	11A13	Trần Lê Thanh Xuân	23-07-2005	x			
48	11A13	Lê Như Ý	09-04-2004	x			

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A1	Phạm Thị Phước An	15/04/2003	x	K	8.00	11A1
2	12A1	Lê Thị Thúy An	24/03/2003	x	K	7.80	11A2
3	12A1	Trần Thị Hồng Anh	06/12/2003	x	G	8.40	11A7
4	12A1	Phạm Đào Văn Anh	30/05/2002	x	Tb	6.10	11A2
5	12A1	Nguyễn Đức Bảo Ân	04/11/2003		Tb	5.90	11A2
6	12A1	Bùi Ngọc Diệp	28/01/2003	x	G	8.00	11A2
7	12A1	Lê Thị Kim Dung	23/08/2003	x	Tb	7.10	11A2
8	12A1	Vô Thị Thảo Duyên	07/03/2003	x	G	8.10	11A2
9	12A1	Đoàn Minh Đạt	26/09/2003		Tb	5.60	11A2
10	12A1	Nguyễn Xuân Đạt	17-08-2002				
11	12A1	Trần Văn Phạm Đông	18/08/2002		G	8.50	11A2
12	12A1	Nguyễn Thị Mỹ Hân	01/05/2003	x	Tb	5.80	11A2
13	12A1	Trần Trung Hiếu	27/06/2003		Tb	7.10	11A2
14	12A1	Đinh Thị Hồng	06/04/2003	x	G	8.50	11A7
15	12A1	Phùng Quốc Huy	12/04/2003		Tb	7.20	11A1
16	12A1	Vũ Hoàng Lịch	09/10/2003		Tb	6.10	11A2
17	12A1	Nguyễn Tuấn Linh	08/05/2003		K	6.70	11A8
18	12A1	Nguyễn Hoàng Xuân Lộc	13/08/2003		Tb	5.50	11A2
19	12A1	Đào Thị Khánh Ly	08/09/2003	x	K	8.10	11A2
20	12A1	Trần Phát Đức Minh	18/09/2003		Tb	6.60	11A2
21	12A1	Nguyễn Thảo My	24/09/2003	x	Tb	6.70	11A2
22	12A1	Đậu Thị Minh Ngọc	26/11/2002	x	K	7.10	11A2
23	12A1	Nguyễn Thanh Nhân	25/02/2003	x	Tb	7.10	11A2
24	12A1	Ninh Ngọc Hoàng Phát	27/06/2003		Tb	6.60	11A2
25	12A1	Trần Tấn Phát	26/11/2003		Tb	5.20	11A13
26	12A1	Lê Trương Hồng Phúc	08/05/2003	x	Tb	5.30	11A1
27	12A1	Nguyễn Lưu Hoài Phương	26/12/2003	x	Tb	6.60	11A2
28	12A1	Đỗ Phạm Phú Quý	02/04/2003		Tb	6.60	11A2
29	12A1	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/04/2003	x	G	8.70	11A2
30	12A1	Trần Phương Quỳnh	14/10/2003	x	Tb	6.70	11A2
31	12A1	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	18/03/2003	x	K	8.10	11A2
32	12A1	Huỳnh Minh Tân	07/02/2003		K	6.90	11A2
33	12A1	Vũ Ngọc Đan Thanh	17/07/2003	x	K	7.60	11A2
34	12A1	Nguyễn Hoàng Thành	26/03/2003		K	8.10	11A2
35	12A1	Lê Hồng Thẩm	29/01/2002	x	Tb	5.50	11A2
36	12A1	Đoàn Nhật Thuận	30/05/2001		Tb	6.60	11A2
37	12A1	Huỳnh Anh Thư	19/08/2003	x	K	7.00	11A2
38	12A1	Trương Thảo Anh Thư	30/05/2003	x	G	8.70	11A2
39	12A1	Vũ Thị Thương	09/02/2003	x	K	7.90	11A2
40	12A1	Trương Phạm Tính	27/12/2003		Tb	6.70	11A1
41	12A1	Nguyễn Khanh Trang	22/01/2003	x	K	8.50	11A2
42	12A1	Nguyễn Thanh Trang	18/05/2002	x	K	8.10	11A2
43	12A1	Phạm Hữu Trọng	11/02/2003		K	7.30	11A2
44	12A1	Thân Minh Truyền	04/06/2003		K	7.40	11A2
45	12A1	Đinh Nhật Trường	04/07/2003		Tb	5.50	11A2
46	12A1	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	03/11/2003	x	Tb	5.50	11A7
47	12A1	Phạm Nguyễn Phương Uyên	09/10/2002	x	Tb	6.50	11A2
48	12A1	Nguyễn Gia Vĩ	18/01/2003		Tb	6.30	11A2
49	12A1	Nguyễn Hoàng Vy	17/10/2003	x	G	8.70	11A1
50	12A1	Nguyễn Phan Phương Vy	27/10/2003	x	K	6.90	11A2

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A2	Trần Đăng Ngọc Anh	09/07/2003	x	Tb	6.40	11A3
2	12A2	Nguyễn Thị Kim Thanh Arul	12/07/2003	x	K	6.80	11A7
3	12A2	Vô Nhất Bảo	11/08/2003		G	8.40	11A14
4	12A2	Nguyễn Xuân Bắc	11/07/2003		Tb	5.20	11A3
5	12A2	Nguyễn Thị Phương Chi	15/08/2003	x	G	9.30	11A3
6	12A2	Trần Thị Hồng Cúc	03/02/2003	x	Tb	6.40	11A1
7	12A2	Nguyễn Hùng Cường	05/10/2003		Tb	5.90	11A3
8	12A2	Nguyễn Mạnh Cường	19/03/2003		K	7.30	11A3
9	12A2	Trương Ngọc Cường	24/08/2003		Tb	7.00	11A14
10	12A2	Phan Lý Hoàng Duy	04/07/2002		K	7.50	11A3
11	12A2	Nguyễn Phương Duy	17/11/2003		K	8.20	11A14
12	12A2	Nguyễn Quang Duy	03/08/2003		Tb	5.40	11A14
13	12A2	Nguyễn Hữu Đức	14/10/2003		K	6.80	11A14
14	12A2	Nguyễn Thị Giang	26/10/2002	x	K	7.10	11A3
15	12A2	Lê Thanh Hải	12/04/2003		Tb	7.20	11A14
16	12A2	Trần Thị Mỹ Hạnh	17/10/2003	x	K	7.10	11A14
17	12A2	Lê Xuân Hoàng	01/10/2003		Tb	6.00	11A14
18	12A2	Đặng Sĩ Hùng	28/02/2003		G	9.00	11A14
19	12A2	Trần Nhật Huy	30/05/2003		Tb	6.10	11A3
20	12A2	Tăng Chí Khang	29/12/2003		Tb	7.30	11A14
21	12A2	Nguyễn Huỳnh Trung Kiên	06/12/2003		Tb	6.50	11A1
22	12A2	Hoàng Văn Lâm	20/08/2003		Tb	6.80	11A3
23	12A2	Huỳnh Nhật Lệ	21/12/2003	x	Tb	6.40	11A7
24	12A2	Nguyễn Gia Minh	26/11/2003		Tb	5.60	11A3
25	12A2	Lý Thảo My	17/05/2003	x	Tb	7.50	11A3
26	12A2	Nguyễn Bắc Trung Nam	07/05/2003		K	7.30	11A3
27	12A2	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	10/11/2003	x	K	7.80	11A3
28	12A2	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/05/2003	x	K	7.40	11A3
29	12A2	Nguyễn Bảo Ngọc	05/12/2003	x	G	8.50	11A3
30	12A2	Phan Hạnh Nguyên	13/09/2003	x	K	7.70	11A3
31	12A2	Trần Thảo Nguyên	02/10/2003	x	Tb	6.70	11A3
32	12A2	Huỳnh Thiện Nhân	12/12/2003		Tb	6.90	11A3
33	12A2	Nguyễn Minh Nhật	31-08-2002				
34	12A2	Ngô Thị Phương Nhi	29/05/2001	x	G	8.30	11A3
35	12A2	Nguyễn Thị Yến Nhi	30/07/2003	x	Tb	5.90	11A3
36	12A2	Nguyễn Ngọc Uyên Như	12/02/2003	x	K	6.80	11A7
37	12A2	Trần Hồng Phương	03/11/2003	x	K	8.10	11A3
38	12A2	Lương Anh Quân	19/08/2001		Tb	5.30	11A1
39	12A2	Phạm Anh Quân	20/07/2003		Tb	6.30	11A3
40	12A2	Đỗ Hoàng Sơn	27/01/2003		Tb	5.60	11A8
41	12A2	Bùi Thị Kim Thoa	03/08/2003	x	K	7.50	11A3
42	12A2	Dương Thùy Trang	06/07/2003	x	Tb	5.90	11A1
43	12A2	Trương Thị Bảo Trâm	13-07-1995	x			
44	12A2	Lê Huỳnh Thanh Trúc	03/08/2003	x	K	7.70	11A3
45	12A2	Hồ Nguyễn Thanh Trúc	14/07/2003	x	K	6.70	11A3
46	12A2	Trịnh Thanh Tùng	16/05/2003		K	6.90	11A3
47	12A2	Đỗ Thanh Vy	14/04/2002	x	K	6.80	11A3
48	12A2	Hoàng Văn Vy	30/08/2003		K	7.50	11A3
49	12A2	Nguyễn Ngọc Như Ý	20/03/2003	x	K	7.20	11A7
50	12A2	Phan Nguyễn Như Ý	01/12/2003	x	K	7.50	11A3

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A3	Nguyễn Khuru An	09/02/2003		Tb	6.30	11A8
2	12A3	Đặng Duy Bôn	01/07/2003		K	7.00	11A4
3	12A3	Trần Ngọc Bảo Châu	09/10/2003	x	G	8.40	11A7
4	12A3	Trần Hùng Đình	28/04/2003		G	9.00	11A1
5	12A3	Nguyễn Tiến Dũng	01/03/2003		Tb	6.20	11A4
6	12A3	Võ Nguyễn Hoàng Duy	28/10/2003		K	8.10	11A4
7	12A3	Mạc Hoàng Anh Hào	10/12/2003		K	8.10	11A4
8	12A3	Vũ Lâm Minh Hiền	27/04/2003	x	G	8.00	11A4
9	12A3	Nguyễn Trọng Hiệp	18/12/2003		K	7.90	11A4
10	12A3	Nguyễn Mạnh Hùng	26/10/2002		G	8.20	11A4
11	12A3	Nguyễn Lương Minh Khôi	27/08/2003		K	7.10	11A14
12	12A3	Châu Quốc Kiệt	14/02/2003		K	7.20	11A4
13	12A3	Diệp Ngọc Lành	26/02/2002	x	K	7.30	11A4
14	12A3	Nguyễn Bảo Lâm	18/03/2002		Tb	7.50	11A14
15	12A3	Trần Lợi Linh	02/06/2003	x	G	8.30	11A7
16	12A3	Phạm Quang Lộc	19/07/2001		Tb	5.40	11A1
17	12A3	Nguyễn Trung Nam	20/11/2000		Tb	5.70	11A14
18	12A3	Lê Nguyễn Kim Chi Bạch Nga	07/06/2003	x	K	7.30	11A4
19	12A3	Nguyễn Thị Thúy Nga	21/05/2003	x	K	8.30	11A14
20	12A3	Hồ Ngọc Bích Nguyên	12/06/2003	x	G	8.90	11A14
21	12A3	Vương Kỳ Nguyên	10/12/2002		K	6.80	11A4
22	12A3	Nguyễn Trung Nguyên	26/09/2003		K	7.40	11A4
23	12A3	Nguyễn Hiếu Nhân	10/08/2001		G	8.40	11A14
24	12A3	Vũ Thành Nhân	09/07/2003		Tb	6.40	11A14
25	12A3	Vũ Hoàng Lan Nhi	11/12/2003	x	K	8.00	11A14
26	12A3	Huỳnh Thanh Nho	11/04/2002		Tb	5.70	11A4
27	12A3	Phan Thị Mỹ Nhung	17/08/2002	x	K	7.50	11A4
28	12A3	Trần Thị Tuyết Nhung	05/12/2003	x	G	8.20	11A4
29	12A3	Hà Lê Quỳnh Như	15/08/2003	x	Tb	6.20	11A4
30	12A3	Lý Thị Yến Như	24/03/2003	x	Tb	6.30	11A7
31	12A3	Phan Phạm Đức Phát	29-10-2003				
32	12A3	Hà Trung Phát	09/06/2003		Tb	6.60	11A4
33	12A3	Yên Trí Phúc	10/10/2003		G	8.10	11A4
34	12A3	Bạch Ngọc Thu Phương	09/04/2003	x	G	8.30	11A4
35	12A3	Nguyễn Hồ Yến Phương	14/08/2003	x	K	6.80	11A4
36	12A3	Đặng Thị Diễm Quỳnh	26/07/2003	x	K	7.20	11A4
37	12A3	Nguyễn Văn Sỹ	20/08/2003		G	8.30	11A4
38	12A3	Nguyễn Văn Tài	22/06/2003		Tb	6.00	11A4
39	12A3	Nguyễn Huỳnh Quý Thanh	26/09/2003		K	7.40	11A1
40	12A3	Phạm Thị Kiêm Thùy	13/09/2003	x	G	8.30	11A4
41	12A3	Trần Ngọc Thủy	23/01/2003	x	K	7.40	11A4
42	12A3	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	21/10/2003	x	Tb	6.50	11A4
43	12A3	Phạm Thị Diễm Trang	13/10/2003	x	K	6.80	11A4
44	12A3	Trần Thái Trâm	11/08/2003	x	K	7.00	11A1
45	12A3	Nguyễn Anh Trí	16/10/2003		Tb	6.60	11A4
46	12A3	Võ Mỹ Phương Trinh	09/07/2003	x	K	7.90	11A4
47	12A3	Phan Minh Trường	27/10/2003		K	7.00	11A4
48	12A3	Bùi Sỹ Trường	10-12-2003				
49	12A3	Trần Thanh Vinh	13/05/2003		Tb	6.20	11A4
50	12A3	Nguyễn Trương Ái Vy	25/09/2003	x	K	8.10	11A4

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A4	Trần Huỳnh Văn Anh	30/06/2003	x	G	8.70	11A5
2	12A4	Nguyễn Văn Diệp	08/03/2003		Tb	6.20	11A7
3	12A4	Phan Thị Thùy Dương	03/12/2003	x	Tb	6.80	11A1
4	12A4	Lại Đình Đạt	04/04/2003		Tb	6.10	11A5
5	12A4	Trần Ngọc Diệp	07/08/2002	x	G	8.20	11A5
6	12A4	Trần Hoàng Giang	25/03/2003		Tb	5.70	11A5
7	12A4	Lê Nguyễn Trường Giang	05/05/2003		Tb	6.70	11A5
8	12A4	Vũ Hồng Hà	07/12/2001	x	K	6.90	11A5
9	12A4	Nguyễn Hoàng Hải	06/11/2003		Tb	6.20	11A8
10	12A4	Nguyễn Thanh Hải	15/10/2003		K	7.50	11A5
11	12A4	Nguyễn Huỳnh Như Hào	20/06/2003	x	K	7.70	11A5
12	12A4	Thái Trần Minh Hoàng	28/08/2003		K	8.10	11A5
13	12A4	Trần Đình Như Hoàng	21/09/2001	x	Tb	6.50	11A5
14	12A4	Dương Thúy Huyền	04/05/2003	x	G	8.50	11A5
15	12A4	Bùi Thị Mai Hương	05/07/2003	x	Tb	7.30	11A5
16	12A4	Nguyễn Thị Bích Hường	28/11/2003	x	Tb	6.60	11A5
17	12A4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	17/02/2003	x	G	8.70	11A5
18	12A4	Trương Ngọc Thùy Linh	10/05/2003	x	K	7.40	11A5
19	12A4	Hoàng Thị Thùy Linh	04/05/2003	x	K	7.40	11A5
20	12A4	Trần Thị Loan	20/08/2003	x	G	8.00	11A5
21	12A4	Trần Đình Gia Lợi	01/09/2003		Tb	6.20	11A1
22	12A4	Đặng Thế Mạnh	03/08/2003		Tb	6.20	11A7
23	12A4	Nguyễn Dương Yên Ngọc	06/12/2003	x	K	7.00	11A5
24	12A4	Phạm Khôi Nguyên	20/10/2003		K	7.00	11A5
25	12A4	Nguyễn Trí Nhân	26/04/2003		Tb	5.70	11A4
26	12A4	Võ Ngọc Bảo Nhi	21/08/2003	x	K	6.70	11A5
27	12A4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/11/2003	x	G	8.50	11A5
28	12A4	Nguyễn Hoàng Phi	10/01/2003		K	8.10	11A5
29	12A4	Đoàn Vũ Phong	26/09/2003		Tb	6.30	11A7
30	12A4	Nguyễn Anh Quân	11/08/2003		Tb	6.20	11A5
31	12A4	Phạm Thị Minh Quý	16/07/2003	x	Tb	7.20	11A5
32	12A4	Nguyễn Đức Quyền	26/09/2002		K	7.00	11A5
33	12A4	Trần Thị Thanh Thảo	21/07/2000	x	G	8.30	11A1
34	12A4	Trần Thị Thu Thảo	10/10/2003	x	K	8.00	11A5
35	12A4	Nguyễn Hữu Thắng	10/04/2002		Tb	5.50	11A5
36	12A4	Võ Xuân Tiến	13/10/2003		K	7.60	11A5
37	12A4	Nguyễn Thị Kim Trang	15/01/2003	x	K	7.10	11A4
38	12A4	Ngô Thị Kiều Trinh	13/07/2002	x	K	7.80	11A5
39	12A4	Nguyễn Dương Phương Trinh	02/03/2003	x	K	7.70	11A1
40	12A4	Bùi Minh Phương Trinh	13/07/2003	x	G	8.60	11A5
41	12A4	Nguyễn Đức Trọng	26/06/2002		Tb	5.60	11A5
42	12A4	Lê Đình Tú	26/02/2003		Tb	6.30	11A5
43	12A4	Nguyễn Trần Ngọc Tú	16/09/2003	x	K	7.70	11A5
44	12A4	Phan Văn Tú	17/03/2003		Tb	6.00	11A5
45	12A4	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	24/07/2002	x	Tb	5.20	11A5
46	12A4	Tô Thanh Tuyền	15/02/2003	x	K	8.00	11A5
47	12A4	Nguyễn Hoàng Phi Vũ	06-11-2003				
48	12A4	Nguyễn Trường Vũ	27/10/2003		K	7.90	11A5
49	12A4	Nguyễn Hữu Vững	16/04/2003		K	7.50	11A5
50	12A4	Trần Phạm Hồng Yên	12/07/2003	x	K	7.10	11A5

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A5	Nguyễn Thị Ánh	05/05/2003	x	Tb	7.10	11A6
2	12A5	Trần Huy Bảo	20/10/2003		Tb	5.00	11A6
3	12A5	Trần Nguyễn Trí Dũng	27/11/2003		K	7.80	11A7
4	12A5	Bùi Văn Duy	10-12-2001				
5	12A5	Trần Thái Dương	02/06/2003		Tb	5.70	11A6
6	12A5	Nguyễn Quốc Đạt	14/02/1998		K	7.90	11A1
7	12A5	Lê Hữu Đức	20/11/2003		Tb	5.30	11A6
8	12A5	Nguyễn Thị Trúc Giang	29/07/2003	x	K	7.50	11A6
9	12A5	Mai Hoàng Hải	20/04/2003		Tb	6.70	11A6
10	12A5	Nguyễn Lê Thành Hiền	09/11/2003		Tb	6.40	11A8
11	12A5	Trương Thị Thu Hiền	05/01/2003	x	K	8.00	11A6
12	12A5	Dương Trung Hiếu	18/09/2003		G	8.60	11A6
13	12A5	Trần Tứ Huy	03/04/2003		K	7.90	11A6
14	12A5	Võ Thiên Hương	05/01/2003	x	K	7.90	11A6
15	12A5	Nguyễn Văn Ngọc Khang	08/04/2003		Tb	5.80	11A6
16	12A5	Nguyễn Lương Kim Khánh	26/05/2002	x	K	7.30	11A6
17	12A5	Nguyễn Đăng Khoa	04/09/2003		K	7.60	11A6
18	12A5	Ngô Văn Khôi	19/12/2002		G	8.40	11A6
19	12A5	Lê Thị Khuyên	22/08/2003	x	K	8.10	11A6
20	12A5	Cao Gia Kiệt	17/07/2003		K	8.00	11A6
21	12A5	Lê Tuấn Kiệt	14/08/2003		K	7.90	11A6
22	12A5	Nguyễn Thị Lan	21/01/2003	x	K	7.20	11A6
23	12A5	Huỳnh Thị Khánh Linh	28/12/2003	x	Tb	7.10	11A6
24	12A5	Trương Thị Phương Linh	22/03/2003	x	K	7.40	11A6
25	12A5	Nguyễn Thị Hà Mi	15/10/2003	x	K	7.50	11A6
26	12A5	Hoàng Thị Hòa Mi	12/02/2003	x	K	7.10	11A1
27	12A5	Chế Nguyễn Anh Minh	06/01/2003		Tb	6.90	11A7
28	12A5	Đinh Vũ hoàng Minh	13/08/2002		K	7.30	11A6
29	12A5	Nguyễn Huỳnh Gia Ngọc	23-04-2003	x			
30	12A5	Võ Nguyễn Uyên Nhi	28/11/2002	x	K	7.30	11A14
31	12A5	Đặng Nhật Phi	08/11/2003		Tb	6.20	11A6
32	12A5	Thái Hoàng Phú	15/07/2003		K	7.40	11A6
33	12A5	Nguyễn Trọng Phúc	21/01/2003		G	8.10	11A7
34	12A5	Nguyễn Kim Phụng	04/12/2003	x	K	7.50	11A6
35	12A5	Nguyễn Hồng Quân	10/10/2003		Tb	6.50	11A6
36	12A5	Phan Minh Quân	08/05/2003		G	8.70	11A6
37	12A5	Nguyễn Hương Quyên	13/01/2003	x	Tb	6.90	11A14
38	12A5	Bùi Thị Như Quỳnh	14/12/2003	x	Tb	6.50	11A14
39	12A5	Nguyễn Tấn Sang	13/04/2003		Tb	7.00	11A6
40	12A5	Nguyễn Trường Sơn	19/10/2002		Tb	5.80	11A14
41	12A5	Nguyễn Huỳnh Minh Thuận	18/03/2003		Tb	6.70	11A1
42	12A5	Hoàng Thị Anh Thư	20/03/2003	x	K	7.80	11A6
43	12A5	Nguyễn Đức Toàn	02/02/2002		Tb	7.40	11A6
44	12A5	Trần Thị Tuyết Trân	24/09/2003	x	K	7.20	11A6
45	12A5	Bùi Huỳnh Phương Trúc	10/07/2003	x	Tb	5.90	11A1
46	12A5	Phạm Thị Thanh Trúc	09/11/2003	x	G	8.60	11A6
47	12A5	Nguyễn Hoàng Trà Vinh	27/06/2003	x	K	6.70	11A6
48	12A5	Bùi Nguyên Nhật Vy	20/02/2003	x	K	6.80	11A6
49	12A5	Nguyễn Trúc Vy	23/08/2003	x	Tb	6.30	11A4
50	12A5	Nguyễn Kiều Phi Yến	19/06/2003	x	Tb	6.20	11A6

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A6	Trần Ngọc Kiều Anh	14/07/2003	x	K	7.60	11A8
2	12A6	Ngô Nguyễn Vương Châu	15/12/2002	x	G	9.00	11A8
3	12A6	Lữ Ngọc Anh Cơ	16/07/2003	x	K	6.80	11A8
4	12A6	Vô Thị Phương Dung	06/05/2003	x	K	7.80	11A8
5	12A6	Hoàng Quốc Đạt	16/03/2003		Tb	5.90	11A8
6	12A6	Tạ Quốc Đạt	22/02/2003		Tb	5.70	11A7
7	12A6	Nguyễn Tấn Đạt	02/11/2003		Tb	5.90	11A1
8	12A6	Vũ Thị Hạnh	06/08/2003	x	G	8.10	11A8
9	12A6	Phùng Thị Hiền	03/04/2003	x	K	7.20	11A8
10	12A6	Nguyễn Minh Hiệp	08-02-2003				
11	12A6	Phan Thanh Hiếu	16/04/2003		Tb	7.10	11A8
12	12A6	Phan Quốc Huy	12/08/2003		K	7.40	11A8
13	12A6	Võ Ngọc Lan Hương	31/10/2003	x	Tb	7.20	11A8
14	12A6	Nguyễn Thị Hương	18/01/2003	x	K	7.80	11A8
15	12A6	Dương Tuấn Kiệt	13/10/2002		Tb	6.40	11A6
16	12A6	Nguyễn Thùy Liên	05/07/2003	x	Tb	6.30	11A8
17	12A6	Lê Đức Minh	23/04/2002		K	7.80	11A7
18	12A6	Thân Hoàng Kim Ngân	18/09/2003	x	Tb	5.80	11A1
19	12A6	Lê Thị Ánh Nguyệt	30/10/2003	x	K	7.50	11A8
20	12A6	Lý Ngọc Nhung	18/05/2003	x	K	7.40	11A8
21	12A6	Lê Thị Kiều Oanh	07/04/2002	x	K	7.80	11A8
22	12A6	Nguyễn Thị Chí Phương	01/07/2003	x	Tb	6.40	11A8
23	12A6	Phan Chí Quyền	18/04/2003		K	7.60	11A7
24	12A6	Nguyễn Anh Tài	06/10/2003		Tb	7.00	11A14
25	12A6	Trần Quốc Thái	29/06/2003		K	7.10	11A8
26	12A6	Đặng Thị Ngọc Thảo	21/02/1996	x	K	7.90	11A14
27	12A6	Nguyễn Tấn Thịnh	21/12/2002		K	7.40	11A14
28	12A6	Cao Thị Mai Thùy	30/08/2003	x	K	8.20	11A14
29	12A6	Phạm Thị Mộng Thùy	13/09/2002	x	K	7.00	11A1
30	12A6	Vô Thị Thanh Thủy	27/01/2003	x	Tb	6.40	11A8
31	12A6	Đỗ Hoài Thương	16/11/2003	x	G	8.40	11A8
32	12A6	Vô Thị Hoài Thương	12/02/2002	x	K	7.10	11A14
33	12A6	Nguyễn Ngọc Thiên Tiên	06/07/2003	x	Tb	7.00	11A14
34	12A6	Nguyễn Thị Thu Tiên	15/03/2003	x	Tb	6.70	11A10
35	12A6	Đồng Hoàng Tiến	30/09/2003		K	7.60	11A14
36	12A6	Đỗ Thị Kiều Trang	05/08/2003	x	Tb	6.90	11A14
37	12A6	Huỳnh Thị Minh Trang	05/11/2003	x	G	8.70	11A8
38	12A6	Vô Thu Trang	08/04/2003	x	Tb	6.00	11A14
39	12A6	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/01/2003	x	G	8.50	11A8
40	12A6	Nguyễn Minh Mai Trâm	23/11/2003	x	K	7.60	11A8
41	12A6	Lê Thị Nhà Trân	29/01/2002	x	G	8.70	11A14
42	12A6	Phan Kim Trọng	06/04/2003		Tb	7.20	11A14
43	12A6	Nguyễn Thị Thanh Trúc	13/08/2003	x	K	7.50	11A8
44	12A6	Trần Thị Thanh Trúc	18/12/2003	x	Tb	6.80	11A8
45	12A6	Lê Nhật Trường	20-07-2000				
46	12A6	Trần Thị Anh Tú	04/02/2003	x	K	7.10	11A1
47	12A6	Nguyễn Hữu Việt	18/03/2003		Tb	7.10	11A8
48	12A6	Lý Mai Nhật Vy	11/04/2003	x	Tb	6.70	11A8
49	12A6	Trần Hoàng Kim Yến	13/11/2003		Tb	6.20	11A8

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A7	Đinh Lan Anh	15/10/2003	x	K	7.60	11A9
2	12A7	Phạm Thị Lan Anh	28/07/2003	x	K	8.00	11A9
3	12A7	Nguyễn Thị Vân Anh	19/09/2003	x	K	8.40	11A9
4	12A7	Nguyễn Trần Hồng Ân	30/12/2003	x	Tb	6.50	11A9
5	12A7	Võ Trần Quốc Bảo	28/06/2003		G	8.70	11A9
6	12A7	Lê Thị Thùy Dương	18/11/2003	x	G	8.70	11A9
7	12A7	Lưu Tiến Đạt	05/09/2002		Tb	5.30	11A9
8	12A7	Nguyễn Tấn Đô	16/12/2003		K	7.10	11A7
9	12A7	Nguyễn Việt Đức	17/02/2003		Tb	6.80	11A1
10	12A7	Nguyễn Thị Trúc Giàu	15/09/2003	x	Tb	6.60	11A9
11	12A7	Lưu Hoàng Kha	04/12/2003		K	8.50	11A9
12	12A7	Nguyễn Hữu Khang	13/03/2003		Tb	6.20	11A8
13	12A7	Lâm Hoàng Lâm	13/05/2003		K	7.70	11A9
14	12A7	Trần Nhã Linh	17/09/2003	x	K	7.80	11A9
15	12A7	Nguyễn Thùy Linh	13/08/2003	x	K	8.00	11A9
16	12A7	Lê Thị Thùy Linh	23/02/2002	x	K	8.10	11A9
17	12A7	Nguyễn Hoàng Yến Linh	14/07/2003	x	Tb	6.90	11A9
18	12A7	Nguyễn Kim Long	26/12/2003		K	6.90	11A9
19	12A7	Nguyễn Thị Phụng Mai	17/02/2003	x	G	8.70	11A9
20	12A7	Phan Minh Mẫn	31/10/2003		K	7.80	11A9
21	12A7	Phí Đức Minh	21/08/2003		K	7.10	11A9
22	12A7	Vũ Thị Ngọc My	28/11/2003	x	K	7.90	11A7
23	12A7	Trần Thị Quỳnh Nga	11/07/2003	x	G	8.60	11A9
24	12A7	Trần Châu Kim Ngân	09/06/2003	x	K	8.50	11A9
25	12A7	Nguyễn Đặng Xuân Nghi	30-12-2003	x			
26	12A7	Lê Thị Thảo Nguyên	25/10/2003	x	G	8.00	11A9
27	12A7	Trần Thị Thu Nguyệt	30/11/2003	x	K	7.10	11A1
28	12A7	Nguyễn Hồng Mẫn Nhi	04/06/2003	x	G	8.60	11A9
29	12A7	Đỗ Lê Yến Nhi	16/07/2003	x	Tb	6.40	11A9
30	12A7	Trần Thị Yến Nhi	13/05/2003	x	Tb	6.60	11A6
31	12A7	Trịnh Thị Tuyết Như	27/04/2003	x	Tb	6.40	11A9
32	12A7	Nguyễn Tấn Phát	06-12-2003		Tb	6.60	11A9
33	12A7	Trần Thanh Tấn Phát	01/11/2003		K	7.40	11A9
34	12A7	Nguyễn Tấn Phước	01/06/2003		Tb	6.30	11A9
35	12A7	Đặng Hoàng Phương	18/01/2003		K	7.10	11A9
36	12A7	Hà Thị Minh Phương	06/06/2003	x	K	8.30	11A9
37	12A7	Phạm Minh Quân	23-01-2001				
38	12A7	Nguyễn Hùng Sơn	19/07/2003		Tb	7.40	11A9
39	12A7	Nguyễn Hoàng Anh Tài	12/09/2003		Tb	6.80	11A7
40	12A7	Trần Nhựt Tài	11/11/2003		G	8.30	11A9
41	12A7	Đỗ Tấn Tài	20/01/2003		Tb	6.80	11A9
42	12A7	Ngô Hoàng Thông	22/05/2003		Tb	6.70	11A9
43	12A7	Nguyễn Thị Thanh Thúy	29/10/2003	x	K	7.20	11A1
44	12A7	Nguyễn Thế Minh Toàn	23/09/2003		G	8.00	11A9
45	12A7	Nguyễn Thanh Trúc	06/05/2003	x	K	7.60	11A14
46	12A7	Bùi Thị Thanh Trúc	25/08/2003	x	K	7.10	11A14
47	12A7	Đào Danh Tuấn	27/06/2003		K	7.20	11A9
48	12A7	Vô Minh Tuyết	28/08/2003	x	K	8.00	11A9
49	12A7	Huỳnh Thị Dương Tường	14/10/2003	x	G	8.30	11A9
50	12A7	Nguyễn Phương Uyên	05/12/2003	x	K	6.80	11A1

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A8	Hồ Ngọc Thanh Bình	31/07/2000				
2	12A8	Nguyễn Cường	09/11/2003		Tb	6.10	11A10
3	12A8	Vũ Thị Kiều Diễm	21/02/2003	x	K	7.90	11A10
4	12A8	Trần Lê Hạnh Dung	18/02/2002	x	K	7.90	11A10
5	12A8	Nguyễn Tiến Đạt	05/11/2003		Tb	6.20	11A10
6	12A8	Trần Nhật Đức	12/12/2002		K	7.80	11A10
7	12A8	Giang Tôn Đức	05/08/2003		Tb	5.30	11A10
8	12A8	Hà Huy Được	02/06/2002		Tb	6.40	11A10
9	12A8	Nguyễn Thị Thùy Giang	02/09/2003	x	Tb	6.00	11A1
10	12A8	Huỳnh Văn Giàu	17/07/2003		G	8.10	11A7
11	12A8	Trần Anh Hào	24/09/2003		Tb	6.00	11A10
12	12A8	Nguyễn Gia Hân	02/09/2003	x	K	7.20	11A10
13	12A8	Nguyễn Huỳnh Phúc Hậu	04/07/2003	x	K	7.20	11A10
14	12A8	Trần Thị Hoài	12/04/2003	x	K	7.00	11A10
15	12A8	Trương Đỗ Thành Hoàng	21/08/2003		G	8.20	11A10
16	12A8	Lê Ngọc Huy	20/08/2003		K	6.90	11A10
17	12A8	Lê Thị Xuân Hương	24/01/2003	x	K	6.70	11A10
18	12A8	Huỳnh Quốc Khánh	25/07/2002		Tb	6.00	11A8
19	12A8	Trần Hoàng Long	28/10/2003		Tb	5.40	11A10
20	12A8	Trần Nguyễn Hữu Lộc	10/08/2003		Tb	5.40	11A10
21	12A8	Võ Thị Tuyết Mai	26/07/2003	x	K	7.10	11A10
22	12A8	Trần Thị Hà My	30/10/2003	x	Tb	7.10	11A10
23	12A8	Mai Thị Ngọc Ngân	28/02/2002	x	K	7.60	11A10
24	12A8	Trần Ngọc Trọng Nghĩa	19/02/2002		Tb	6.30	11A10
25	12A8	Lê Nhựt Khôi Nguyên	28/03/2003		K	7.50	11A7
26	12A8	Hứa Nguyễn Phương Nhi	08/10/2003	x	Tb	6.60	11A1
27	12A8	Ngô Hồng Yến Nhi	18/11/2003	x	K	7.70	11A10
28	12A8	Trần Lê Quỳnh Như	22/08/2003	x	K	7.50	11A10
29	12A8	Trịnh Ngọc Tâm Như	18/12/2003	x	K	8.00	11A10
30	12A8	Phạm Văn Phú	24/10/2003		Tb	6.80	11A10
31	12A8	Trần Vĩnh Phú	19/09/2003		K	7.70	11A10
32	12A8	Hoàng Minh Quang	22/10/2003		K	6.70	11A10
33	12A8	Lý Minh Quân	21/10/2003		K	7.40	11A10
34	12A8	Đặng Trần Ngọc Băng Tâm	18/08/2003	x	K	7.40	11A10
35	12A8	Huỳnh Hà Nhật Tân	10/11/2003		K	7.90	11A7
36	12A8	Ngô Quốc Thái	21/04/2003		Tb	6.10	11A10
37	12A8	Nguyễn Thị Mộng Thanh	02/07/2002	x	K	7.30	11A10
38	12A8	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/04/2003	x	Tb	6.70	11A10
39	12A8	Trần Minh Mộng Thắm	11/05/2003	x	G	8.60	11A10
40	12A8	Thạch Nguyễn Trung Thiện	26/04/2003		K	7.80	11A10
41	12A8	Nguyễn Trường Thịnh	25/02/2003		Tb	5.60	11A10
42	12A8	Lê Phương Thy	31/10/2003	x	K	7.30	11A10
43	12A8	Nguyễn Hoàng Duy Tiến	05/10/2003		Tb	5.20	11A1
44	12A8	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/10/2003	x	K	8.20	11A10
45	12A8	Nguyễn Lê Bảo Trân	12/11/2003	x	G	9.30	11A10
46	12A8	Đặng Thanh Trúc	01/06/2002	x	Tb	6.40	11A6
47	12A8	Lê Hồng Uyên	11/05/2003	x	K	7.10	11A10
48	12A8	Đỗ Vũ Phương Uyên	01/01/2003	x	Tb	6.30	11A10
49	12A8	Nguyễn Phước Vĩnh	03/02/2003		Tb	5.80	11A1
50	12A8	Lê Ngọc Tường Vy	17/10/2003	x	K	7.40	11A10

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A9	Phạm Gia Bảo	11/09/2000		K	7.60	11A11
2	12A9	Đình Hòa Bình	15/07/2003		K	6.70	11A11
3	12A9	Dương Huyền Châu	31/08/2003	x	K	7.60	11A11
4	12A9	Nguyễn Phú Cường	12/05/2003		Tb	6.20	11A11
5	12A9	Trương Anh Duẩn	11/06/2003		K	6.90	11A11
6	12A9	Bùi Văn Duy	10-12-2001				
7	12A9	Lê Hữu Quý Dương	25/09/2003				
8	12A9	Trần Lê Văn Đạt	16/03/1998		K	7.30	11A11
9	12A9	Nguyễn Dương Hải Đăng	11/02/2003		G	9.20	11A11
10	12A9	Đỗ Hà	12/04/2003	x	K	7.10	11A11
11	12A9	Vũ Thị Ngọc Hà	28/11/2003	x	G	8.00	11A7
12	12A9	Nguyễn Võ Anh Hào	16/09/2002		K	7.30	11A11
13	12A9	Lê Trần Gia Hân	01/12/2003	x	G	8.00	11A11
14	12A9	Nguyễn Phan Dịu Hiền	11/11/2003	x	Tb	6.70	11A1
15	12A9	Trịnh Trung Hiếu	24/05/2003		K	7.50	11A11
16	12A9	Chu Văn Hoàng	13/10/2003		Tb	5.70	11A6
17	12A9	Lý Gia Huy	08/08/2003		Tb	6.50	11A11
18	12A9	Phạm Nguyễn Khang Hy	03/03/2003		K	7.40	11A11
19	12A9	Ngô Thanh Liêm	08/11/1997		K	7.90	11A11
20	12A9	Nguyễn Trần Phương Linh	28/03/2003	x	Tb	6.80	11A11
21	12A9	Hồ Nhật Minh	15/11/1999		K	7.30	11A11
22	12A9	Nguyễn Văn Nam	14/12/2003		Tb	5.90	11A11
23	12A9	Nguyễn Thị Thúy Nga	19/01/2003	x	K	7.50	11A11
24	12A9	Nguyễn Trần Thanh Nguyên	28/10/2000		Tb	5.80	11A11
25	12A9	Nguyễn Thị Tú Nguyên	02/01/2003	x	K	8.20	11A7
26	12A9	Trần Quang Nhật	01-12-2002				
27	12A9	Trương Thị Tuyết Nhi	21/09/2003	x	Tb	6.70	11A11
28	12A9	Trần Nguyễn Xuân Nhi	19/12/2003	x	K	6.90	11A11
29	12A9	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/07/2003	x	G	8.60	11A1
30	12A9	Huỳnh Bích Như	03/09/2003	x	G	8.40	11A11
31	12A9	Phan Thị Minh Như	31/08/2000	x	K	8.00	11A11
32	12A9	Trịnh Vũ Phát	24/12/2003		K	7.70	11A4
33	12A9	Nguyễn Hữu Quân	30/08/2003		K	7.70	11A11
34	12A9	Vũ Văn Quyển	23/09/2003		K	7.00	11A11
35	12A9	Võ Nguyễn Thành Tài	07/06/2003		Tb	5.80	11A11
36	12A9	Vũ Gia Thiên	15/03/2003		Tb	6.30	11A11
37	12A9	Đặng Phước Thịnh	07/02/2003		K	7.30	11A11
38	12A9	Lê Thị Mỹ Thoa	06/03/2003	x	K	7.90	11A11
39	12A9	Nguyễn Chí Thông	05/10/2003		Tb	6.30	11A11
40	12A9	Kim Anh Thư	08/07/2003	x	Tb	6.30	11A11
41	12A9	Nguyễn Anh Thư	24/05/2003	x	Tb	6.50	11A7
42	12A9	Lâm Hồng Tiên	19/10/2003	x	K	8.40	11A11
43	12A9	Nguyễn Hoàng Tiến	18/09/2003		Tb	6.60	11A1
44	12A9	Nguyễn Bùi Thùy Trang	21/06/2003	x	Tb	6.30	11A11
45	12A9	Cao Lê Bảo Trí	10/10/2003		Tb	6.20	11A11
46	12A9	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10/12/2003	x	G	8.40	11A11
47	12A9	Lê Nhật Trường	20-07-2000				
48	12A9	Nguyễn Hồng Tươi	18/07/2003		K	6.80	11A11
49	12A9	Mai Trường Vũ	18/08/2001		K	7.70	11A1
50	12A9	Đỗ Trần Kim Yến	09/10/2003	x	K	8.00	11A11

DANH SÁCH HỌC SINH
LỚP: 12A10, GVCN: NGUYỄN THANH THU TRANG

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A10	Đỗ Thị Xuân Ái	12/12/2003	x	K	8.10	11A12
2	12A10	Nguyễn Thùy Kim Anh	28/07/2003	x	Tb	6.30	11A7
3	12A10	Nguyễn Nhật Anh	25/12/2003		K	7.70	11A12
4	12A10	Nguyễn Việt Anh	17/02/2003		K	7.90	11A1
5	12A10	Trần Việt Anh	30/06/2003		Tb	6.70	11A12
6	12A10	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	30/01/2003		K	7.30	11A12
7	12A10	Phạm Nguyên Thái Bảo	18/10/2003		K	7.70	11A12
8	12A10	Thái Đoàn Chiến	29/05/2003		K	7.20	11A12
9	12A10	Nguyễn Thị Thanh Chúc	07/07/2003	x	Tb	6.20	11A12
10	12A10	Nguyễn Trung Din	15/04/2003		K	7.50	11A12
11	12A10	Trần Minh Đức	11/12/2003		G	9.10	11A12
12	12A10	Thiều Lê Thúy Hằng	07/05/2003	x	K	8.50	11A12
13	12A10	Nguyễn Chu Mai Hoa	01/12/2003	x	K	8.40	11A12
14	12A10	Tạ Thị Huệ	29/03/2003	x	G	8.30	11A12
15	12A10	Nguyễn Gia Huy	15/12/2003		Tb	6.70	11A7
16	12A10	Trịnh Đoàn Thiên Hương	19/12/2003	x	K	7.60	11A1
17	12A10	Đường Trọng Khang	29/09/2001		G	8.70	11A12
18	12A10	Nguyễn Đoàn Duy Khánh	22/11/2003		Tb	5.60	11A12
19	12A10	Trịnh Thị Linh	10/12/2003	x	G	8.60	11A12
20	12A10	Nguyễn Ngọc Kim Mai	18/08/2003	x	K	7.40	11A12
21	12A10	Huỳnh Trà My	29/04/2003	x	Tb	7.00	11A12
22	12A10	Dư Kim Hoàn Mỹ	05/12/2003	x	Tb	7.40	11A12
23	12A10	Nguyễn Đặng Phương Nam	18/11/2003		Tb	6.40	11A8
24	12A10	Nguyễn Thành Nam	31/12/2002		Tb	7.70	11A12
25	12A10	Trần Võ Hồng Ngân	06/12/2003	x	K	7.80	11A12
26	12A10	Nguyễn Khiêm Thảo Ngân	04/11/2003	x	G	8.30	11A12
27	12A10	Đào Nguyễn Trung Nghĩa	25/02/1998		Tb	6.70	11A12
28	12A10	Nguyễn Thị Hoàng Ngọc	22/09/2003	x	K	7.40	11A12
29	12A10	Chu Tuyết Ngọc	16/01/2003	x	K	7.50	11A12
30	12A10	Trần Khánh Nha	09/02/2003	x	Tb	6.50	11A12
31	12A10	Phùng Thiện Nhân	05/11/2003		K	7.00	11A7
32	12A10	Kiên Sa Phi	12/02/2003		Tb	7.30	11A12
33	12A10	Nguyễn Ngọc Hoàng Phúc	06/08/2003		Tb	6.60	11A12
34	12A10	Trần Quốc Quang	17/11/2002		Tb	6.90	11A1
35	12A10	Nguyễn Đình Thiên	12/08/2003		K	7.60	11A12
36	12A10	Huỳnh Phúc Thịnh	07/07/2003		Tb	6.10	11A12
37	12A10	Nguyễn Thị Minh Thư	01/12/2003	x	Tb	6.40	11A12
38	12A10	Trần Minh Thư	04/08/2003	x	K	7.80	11A12
39	12A10	Bạch Ngọc Hoài Thương	13/06/2003	x	G	8.90	11A12
40	12A10	Hoàng Thị Diệu Trang	21/06/2001	x	Tb	5.50	11A1
41	12A10	Phan Thị Mai Trang	08/10/2003	x	Tb	6.40	11A12
42	12A10	Võ Thị Phương Trâm	26-10-2002	x	Tb	7.20	11A12
43	12A10	Bùi Văn Trương	10/07/2002		K	8.20	11A12
44	12A10	Phạm Huỳnh Cẩm Vang	17/05/2003	x	K	7.80	11A7
45	12A10	Nguyễn Việt Xuân	19/05/2003		K	8.40	11A12
46	12A10	Nguyễn Thị Như Ý	17/11/2003	x	G	8.60	11A12

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A11	Nguyễn Phạm Nữ Hoàng Anh	13/07/2001	x	K	8.00	11A13
2	12A11	Hứa Mai Anh	24/12/2003	x	Tb	6.30	11A7
3	12A11	Bùi Thế Anh	13/12/2002		Tb	6.30	11A13
4	12A11	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	20/12/2003	x			
5	12A11	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/11/2001	x	G	8.20	11A13
6	12A11	Trương Công Dự	09/10/2003		K	7.60	11A13
7	12A11	Trương Công Đoàn	09/12/2003		K	7.80	11A13
8	12A11	Vô Thị Thu Hà	04/09/2003	x	K	7.90	11A13
9	12A11	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/11/2003	x			
10	12A11	Nguyễn Kim Hậu	17/04/2003	x	K	7.80	11A13
11	12A11	Nguyễn Quang Huy	27/03/2003		K	7.40	11A13
12	12A11	Đào Nguyễn Quỳnh Hương	23/09/2003	x	K	7.40	11A13
13	12A11	Vũ Xuân Kiên	13/09/2003		K	7.60	11A13
14	12A11	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/01/2003		Tb	6.60	11A13
15	12A11	Lương Nguyễn Thiên Kim	27/09/2003	x	G	8.10	11A13
16	12A11	Lê Thị Thanh Lan	26/09/2003	x	G	8.10	11A13
17	12A11	Nguyễn Hoàng Lâm	05/01/2003		Tb	7.20	11A7
18	12A11	Phạm Tân Lập	01/11/2003		K	6.70	11A13
19	12A11	Phạm Thị Cẩm Loan	27/08/2003	x	K	7.40	11A13
20	12A11	Nguyễn Thanh Mai	10/04/2003	x	G	8.50	11A13
21	12A11	Mai Thanh Ngân	27/10/2003	x	G	8.20	11A13
22	12A11	Nguyễn Thanh Nhân	07/04/2003	x	K	8.20	11A13
23	12A11	Phạm Lê Thảo Nhi	27/03/2003	x	G	9.00	11A7
24	12A11	Hoàng Yến Nhi	19/12/2003	x	K	7.90	11A13
25	12A11	Vũ Thị Yến Nhi	17-04-2002	x			
26	12A11	Nguyễn Hoàng Phúc	15/01/2003		K	6.70	11A8
27	12A11	Võ Thanh Phúc	17/04/2002		Tb	5.50	11A13
28	12A11	Nguyễn Thành Phúc	04/01/2003		K	7.00	11A13
29	12A11	Lưu Kim Phụng	16/12/2003	x	K	6.90	11A13
30	12A11	Vũ Văn Phương	07/07/2003		Tb	5.30	11A13
31	12A11	Nguyễn Hoàng Sơn	20/08/2003		K	7.90	11A13
32	12A11	Nguyễn Hữu Trường Thi	03/03/2003		Tb	6.30	11A13
33	12A11	Huỳnh Ngọc Thuận	09/01/2003		Tb	6.50	11A13
34	12A11	Nguyễn An Hùng Tiến	23/03/2003		Tb	6.20	11A13
35	12A11	Trần Thị Thu Trà	05/10/2003	x	K	7.50	11A7
36	12A11	Ngô Thị Bảo Trân	21-03-2002	x			
37	12A11	Nguyễn Ngọc Trinh	29/05/2003	x	G	8.30	11A13
38	12A11	Vô Thị Thanh Trúc	02/06/2003	x	K	8.20	11A13
39	12A11	Đỗ Quang Trung	12/03/2003		K	7.10	11A13
40	12A11	Nhữ Mạnh Trường	01/10/2003		K	7.80	11A7
41	12A11	Đoàn Nhật Trường	14/12/2003		K	6.70	11A7
42	12A11	Nguyễn Minh Tuấn	13/01/2003		Tb	6.90	11A7
43	12A11	Trần Thị Ái Vân	22/05/2003	x	K	7.70	11A7
44	12A11	Trần Thị Bích Vân	05/01/2003	x	K	8.20	11A13
45	12A11	Trương Công Vinh	09/10/2003		Tb	6.90	11A13
46	12A11	Trần Nguyễn Thanh Vy	03/11/2003	x	K	8.20	11A13

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A12	Huỳnh Thị Kim Anh	01/02/2003	x	K	6.90	11A4
2	12A12	Bùi Nhật Anh	05/08/2003		Tb	6.70	11A5
3	12A12	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	18/12/2003	x	K	7.80	11A13
4	12A12	Hàn Nguyễn Kim Ánh	17/01/2003	x	K	7.70	11A3
5	12A12	Nguyễn Quang Ánh	25/11/2003		K	7.70	11A13
6	12A12	Hoàng Gia Bảo	22/06/2003		K	8.00	11A11
7	12A12	Nguyễn Văn Chúc	21/10/2003		K	7.70	11A9
8	12A12	Lê Đình Cường	06/12/2003		Tb	6.10	11A3
9	12A12	Phạm Thế Cường	28/06/2003		K	7.50	11A11
10	12A12	Trần Mỹ Duyên	23/02/2003	x	Tb	6.30	11A4
11	12A12	Trần Nguyễn Thùy Dương	09/03/2003	x	K	7.70	11A14
12	12A12	Châu Thành Đạt	09/04/2002		Tb	6.20	11A13
13	12A12	Nguyễn Hải Đăng	26/02/2003		K	8.00	11A10
14	12A12	Trần Thành Được	09/07/2003		Tb	6.40	11A14
15	12A12	Nguyễn Phước Hải	15/04/2003		K	7.80	11A10
16	12A12	Nguyễn Ngọc Hiền	04/07/2003		K	7.50	11A9
17	12A12	Nguyễn Trung Hiếu	25/10/2003		G	8.20	11A9
18	12A12	Nguyễn Xuân Hiếu	02/01/2003		K	8.30	11A10
19	12A12	Đào Ngọc Gia Huy	04/07/2003		K	7.50	11A3
20	12A12	Phan Thị Huyền	02/11/2003	x	G	8.80	11A5
21	12A12	Vũ Thị Quỳnh Hương	25/02/2003	x	Tb	7.10	11A14
22	12A12	Mai Thị Minh Khuê	17/11/2003	x	G	8.60	11A5
23	12A12	Nguyễn Mỹ Kim	08/11/2003	x	K	8.00	11A4
24	12A12	Trần Thị Mỹ Kim	11/12/2003	x	G	8.20	11A11
25	12A12	Nguyễn Thị Khánh Linh	30/11/2003	x	Tb	6.70	11A11
26	12A12	Đặng Thị Tuyết Linh	12/05/2003	x	K	7.80	11A3
27	12A12	Lê Văn Nam	06/04/2002		Tb	6.40	11A8
28	12A12	Nguyễn Thúy Nga	29/04/2002	x	K	6.50	11A13
29	12A12	Lâm Khánh Ngân	17/04/2003	x	G	8.70	11A12
30	12A12	Mai Thị Kim Nhi	02/09/2003	x	K	7.30	11A13
31	12A12	Trần Thị Quỳnh Như	24/04/2003	x	K	7.70	11A13
32	12A12	Nguyễn Trương Hồng Phát	10/11/2003		Tb	7.40	11A3
33	12A12	Dương Hồ Thanh Phát	26/04/2003		G	8.40	11A3
34	12A12	Phan Văn Phước	01/11/2003		K	7.80	11A13
35	12A12	Lê Thị Kim Sang	27/04/2003	x	G	8.20	11A10
36	12A12	Hồ Quang Tấn	16/12/2003		Tb	5.60	11A13
37	12A12	Nguyễn Trần Anh Thảo	16/11/2003	x	K	6.70	11A3
38	12A12	Trần Thị Thanh Thảo	26/11/2003	x	G	9.10	11A9
39	12A12	Trần Thị Thoa	15/12/2003	x	G	8.80	11A12
40	12A12	Đào Thị Ngọc Thủy	10/04/2003	x	Tb	7.10	11A4
41	12A12	Ngô Thị Thùy Trang	17/08/2003	x	K	7.60	11A13
42	12A12	Nguyễn Thanh Trúc	18/11/2003	x	G	8.10	11A4
43	12A12	Phạm Hồng Yến Vy	20/09/2003	x	K	7.30	11A3
44	12A12	Trương Hoàng Như Ý	15/02/2003	x	K	7.30	11A4
45	12A12	Nguyễn Ngọc Hoàng Yến	22/02/2003	x	Tb	5.10	11A3
46	12A12	Bạch Anh Tiến	17/07/2003		Tb	7.10	11A8

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12A13	Nguyễn Hoài Đức Anh	23/06/2003		Tb	6.90	11QT1
2	12A13	Hà Thị Kiều Anh	09/06/2003	x	Tb	6.20	11QT1
3	12A13	Lê Nguyễn Nguyệt Anh	06/11/2003	x	K	8.10	11QT1
4	12A13	Nguyễn Quốc Anh	30/05/2002				
5	12A13	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	05/12/2003	x	K	7.00	11QT1
6	12A13	Nguyễn Châu Âu	10/09/2003		K	7.10	11QT1
7	12A13	Trịnh Quốc Cường	11/10/2003		K	7.10	11QT1
8	12A13	Phạm Tấn Duy	15/10/2003		Tb	6.70	11QT1
9	12A13	Nguyễn Hưu Đạt	12/09/2003		K	7.50	11QT1
10	12A13	Nguyễn Duy Đức	20/09/2002		K	7.70	11QT1
11	12A13	Mai Nguyễn Ngọc Hân	23/08/2003	x	K	8.00	11QT1
12	12A13	Đào Võ Nhật Huy	16/07/2003		K	7.80	11QT1
13	12A13	Lê Quang Huy	21/03/2003		K	7.50	11QT1
14	12A13	Đặng Như Khanh	16/08/2003	x	K	7.60	11QT1
15	12A13	Nguyễn Hồng Khánh	13/07/2000		K	6.90	11QT1
16	12A13	Đặng Phúc Đăng Khoa	10/10/2003		Tb	7.10	11QT1
17	12A13	Nguyễn Tuấn Kiệt	20/10/2003		K	6.80	11QT1
18	12A13	Nguyễn Hồng Lâm	12/11/2002		K	7.10	11QT1
19	12A13	Nguyễn Phan Chi Mai	06/03/2003	x	K	8.10	11QT1
20	12A13	Trần Thị Phương Ngân	16/08/2003	x	K	8.10	11QT1
21	12A13	Nguyễn Đặng Phương Nghi	22/02/2001	x	G	8.70	11QT1
22	12A13	Nguyễn Kiều Quỳnh Nghi	15/11/2003	x	K	7.80	11QT1
23	12A13	Nguyễn Minh Nghiệm	07/07/2003		K	8.20	11QT1
24	12A13	Phan Tấn Phát	24/10/2003		K	7.60	11QT1
25	12A13	Ngô Tiền Kim Phúc	02/05/2003		Tb	6.80	11QT1
26	12A13	Phạm Văn Phương	28/08/2000		K	7.30	11QT1
27	12A13	Vũ Quang	11/10/2001		K	7.10	11QT1
28	12A13	Đỗ trung Quân	19-03-2001				
29	12A13	Đỗ Thị Ngọc Sang	08/06/2002	x	K	7.60	11QT1
30	12A13	Lê Nhật Tân	12/12/2003		K	6.90	11QT1
31	12A13	Nguyễn Mỹ Thanh	19/11/2003		Tb	6.70	11QT1
32	12A13	Bùi Ngọc Thiện	30/08/2003		K	7.10	11QT1
33	12A13	Lê Phước Thiện	08/08/2003		Tb	7.20	11QT1
34	12A13	Lê Đặng Thịnh	24/8/2003		Tb	6.50	11QT1
35	12A13	Phạm Thanh Thuần	29/09/2002		Tb	6.20	11QT1
36	12A13	Trần Minh Thuận	01/08/2003		K	7.40	11QT1
37	12A13	Phạm Thị Minh Thư	26/09/2003	x	K	8.40	11QT1
38	12A13	Nguyễn Đức Triệu	30/12/2003		Tb	6.50	11QT1
39	12A13	Võ Cẩm Trúc	20/12/2003	x	K	7.20	11QT1
40	12A13	Nguyễn Văn Trường	30/11/2003		K	7.90	11QT1
41	12A13	Hồ Anh Tuấn	27/11/2003		K	7.50	11QT1
42	12A13	Lương Văn Tuấn	30/10/2003		Tb	6.00	11QT1
43	12A13	Hoàng Duy Tùng	19/10/2003		Tb	7.30	11QT1
44	12A13	Lê Anh Vũ	13/02/2003	x	K	7.20	11QT1

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC

STT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Học lực năm trước	Trung bình năm trước	Lớp năm trước
1	12D1	Nguyễn Thị Thúy An	30/04/2003	x	K	8.10	11D1
2	12D1	Lê Bá Hải Anh	05-08-2001		Tb	5.20	11D1
3	12D1	Phạm Ngọc Tuấn Anh	21/07/2002				
4	12D1	Lương Kim Chi	17/09/1997	x	G	8.60	11D1
5	12D1	Nguyễn Đức Chiến	23-08-1973				
6	12D1	Đỗ Thị Ngọc Diệp	23/12/2003	x	G	8.90	11D1
7	12D1	Nguyễn Thị Diệu	19/01/1988	x	K	7.40	11D1
8	12D1	Trần Việt Hào	30/09/2001		Tb	5.30	11D1
9	12D1	Hoàng Ngọc Hằng	17/05/1999	x	K	7.80	11D1
10	12D1	Hoàng Thu Hoài	26/05/2002	x			
11	12D1	Ngô Huỳnh Đức Huy	01/01/2002				
12	12D1	Thái Lê Quan Huy	31/12/1997		K	6.90	11D1
13	12D1	Nguyễn Ngọc Lan Hương	29/01/2002	x	Tb	5.30	11D1
14	12D1	Trần tấn Khanh	29-05-2002				
15	12D1	Trần Thị Ngọc Mai	26-11-2003	x			
16	12D1	Trần Công Minh	22/04/1998				
17	12D1	Nguyễn Thị Xuân Mỹ	04-08-1998	x			
18	12D1	Lai Hồ Kim Ngân	15/08/2002	x	K	7.30	11D1
19	12D1	Nguyễn Văn Phi	20-04-1997				
20	12D1	Trần Bảo Phúc	24-12-2002		Tb	5.80	11D1
21	12D1	Ngô Phúc	11-08-2002		Tb	5.00	11D1
22	12D1	Phùng Lê Uyên Phương	30/09/2002	x	G	8.90	11D1
23	12D1	Nguyễn Văn Rượu	22-12-1967				
24	12D1	Nguyễn Thành Tài	06-01-2003				
25	12D1	Nguyễn Thị Ngọc Kim Thanh	29-12-1995	x	K	7.70	11D1
26	12D1	Ngô Võ Hiếu Thảo	14/10/1997	x	K	8.00	11D1
27	12D1	Đỗ Hữu Thắng	01-09-2002				
28	12D1	Tổng Quốc Thắng	16-01-1998		G	8.20	11D1
29	12D1	Nguyễn Quốc Thiện	26/10/1998				
30	12D1	Nguyễn Văn Tiến	05/04/1999		Tb	5.30	11D1
31	12D1	Nguyễn Hữu Tình	11-07-2002				
32	12D1	Phạm Thị Thùy Trang	24/11/2003	x	Tb	5.70	11D1
33	12D1	Ngô Ngọc bảo Trâm	01-09-2003	x			
34	12D1	Trần Nguyễn Dương Triều	10/05/1997				
35	12D1	Bùi Đức Tuấn	12/08/1995		G	8.20	11D1
36	12D1	Đỗ Thanh Vân	15/11/2003	x			
37	12D1	Vô Thúy Vân	22/11/2002	x	K	6.90	11D1
38	12D1	Nguyễn Tiến Vũ	16-10-1999		K	6.80	11D1
39	12D1	Đoàn Phú Vương	24-06-1999				
40	12D1	Phạm Phương Vy	08/05/2001	x	K	6.80	11D1
41	12D1	Nguyễn Phan Thảo Vy	08/07/2000	x	K	7.30	11D1

, ngày 29 tháng 8 năm 2020
GIÁM ĐỐC